



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM
141 Lê Duẩn - Hoàn Kiếm - Hà Nội
Tel: (84-24) 3942 2354 - Fax: (84-24) 3942 2351

THÔNG BÁO

V/v tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Kính gửi: Quý cổ đông Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (VINARE) trân trọng thông báo đến Quý cổ đông về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, cụ thể như sau:

I- Thời gian: 8^h30' Thứ năm, ngày 20 tháng 04 năm 2023

II- Địa điểm: Hội trường tầng 8, trụ sở VINARE, 141 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Hà Nội

III- Nội dung chính của Đại hội:

- + Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2022 và kế hoạch kinh doanh năm 2023;
- + Phê chuẩn phương án phân phối lợi tức sau thuế, chi trả cổ tức năm 2022;
- + Phê chuẩn thù lao HĐQT, BKS, thư ký năm 2022;
- + Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2022;
- + Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022;
- + Lựa chọn kiểm toán độc lập năm 2023;
- + Miễn nhiệm và Bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2020-2024;
- + Nội dung khác (nếu có).

IV- Điều kiện tham dự:

- ✓ Các cổ đông sở hữu cổ phiếu VNR theo danh sách xác nhận ngày đăng ký cuối cùng 23/03/2023 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đều có quyền dự họp.
- ✓ Những cổ đông không tham dự Đại hội được quyền ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội (*mẫu Giấy ủy quyền gửi kèm theo Giấy mời họp*).

V- Để tạo điều kiện thuận lợi cho Ban tổ chức, Quý cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội chậm nhất đến 17^h00' ngày 18/04/2023 bằng điện thoại hoặc fax theo địa chỉ:

Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam

Tầng 7 - 141 Lê Duẩn - Hoàn Kiếm - Hà Nội, Tel: (84-24) 3942 7859, Fax: (84-24) 3942 2351, Email: investment@vinare.com.vn

VI- Quý cổ đông khi đến tham dự Đại hội mang theo các giấy tờ sau:

Giấy mời họp và CMND/CCCD/Hộ chiếu (*bản gốc*)

Trường hợp ủy quyền tham dự Đại hội:

Bên nhận ủy quyền mang theo Giấy mời họp, CMND/CCCD/Hộ chiếu (*bản gốc*) và Giấy ủy quyền (*bản gốc*).

- Thông báo này thay cho thư mời trong trường hợp Quý cổ đông chưa nhận được Giấy mời họp.
- Tài liệu liên quan đến nội dung, chương trình họp ĐHCĐ và mẫu Giấy ủy quyền tham dự Đại hội được đăng tải trên website: www.vinare.com.vn.

Trân trọng./.



Nguyễn Anh Tuấn



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM
VIETNAM NATIONAL REINSURANCE CORPORATION

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH 2022 & PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ 2023

Nội dung

- 1 Kinh tế Việt nam và Thị trường bảo hiểm 2022**
- 2 Kết quả kinh doanh Tái bảo hiểm 2022**
- 3 Kết quả đầu tư tài chính 2022**
- 4 Phương hướng nhiệm vụ kinh doanh 2023**

Tình hình kinh tế Việt Nam 2022

Kinh tế Việt Nam trong năm 2022 đã tiếp tục đà phục hồi mạnh, vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn được đảm bảo.

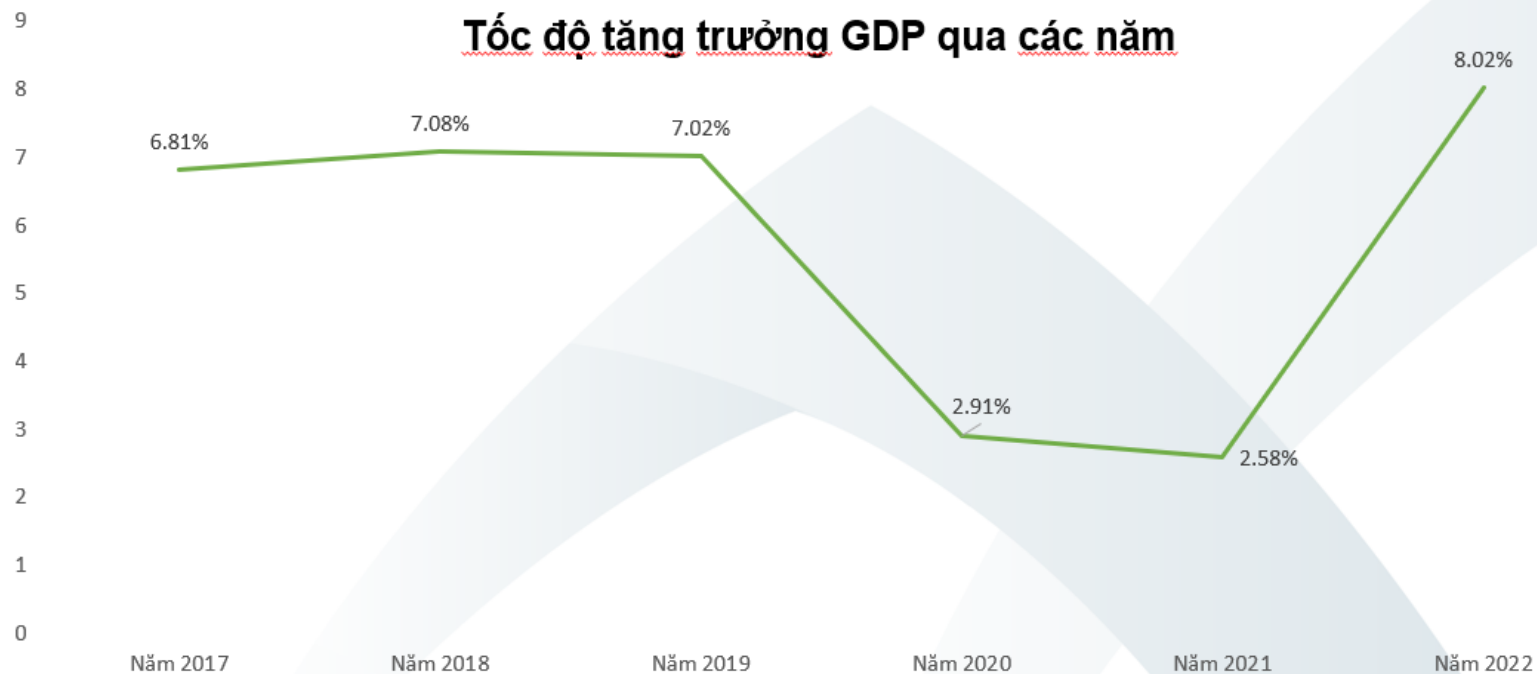
THUẬN LỢI

- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2022 tăng 8.02% so với năm trước, đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022.
- Trong mức tăng của tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, khu vực công nghiệp và xây dựng và khu vực dịch vụ đều có sự tăng trưởng đáng kể, lần lượt là: 3.36%; 7.78% và 9.99%.
- Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 732.5 tỷ USD, tăng 9.5% so với năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 10.6%; nhập khẩu tăng 8.4%. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2022 ước tính xuất siêu 11.2 tỷ USD.
- Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội tăng 11.2% so với năm trước. Trong đó, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam đạt gần 22.4 tỷ USD, tăng 13.5% so với năm trước, đạt mức cao nhất từ năm 2018 đến nay.
- CPI tăng 3.15% so với năm 2021. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2022 tăng 2.59% so với năm 2021.

KHÓ KHĂN

- Kinh tế thế giới đang phải đối mặt với những thách thức lớn. Lạm phát đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ. Cạnh tranh chiến lược, địa chính trị giữa các nước lớn, xung đột quân sự giữa Nga - Ukraine; thiên tai, biến đổi khí hậu, mưa bão, hạn hán, dịch bệnh và vấn đề phát sinh liên quan đến Covid,...

Tăng trưởng GDP

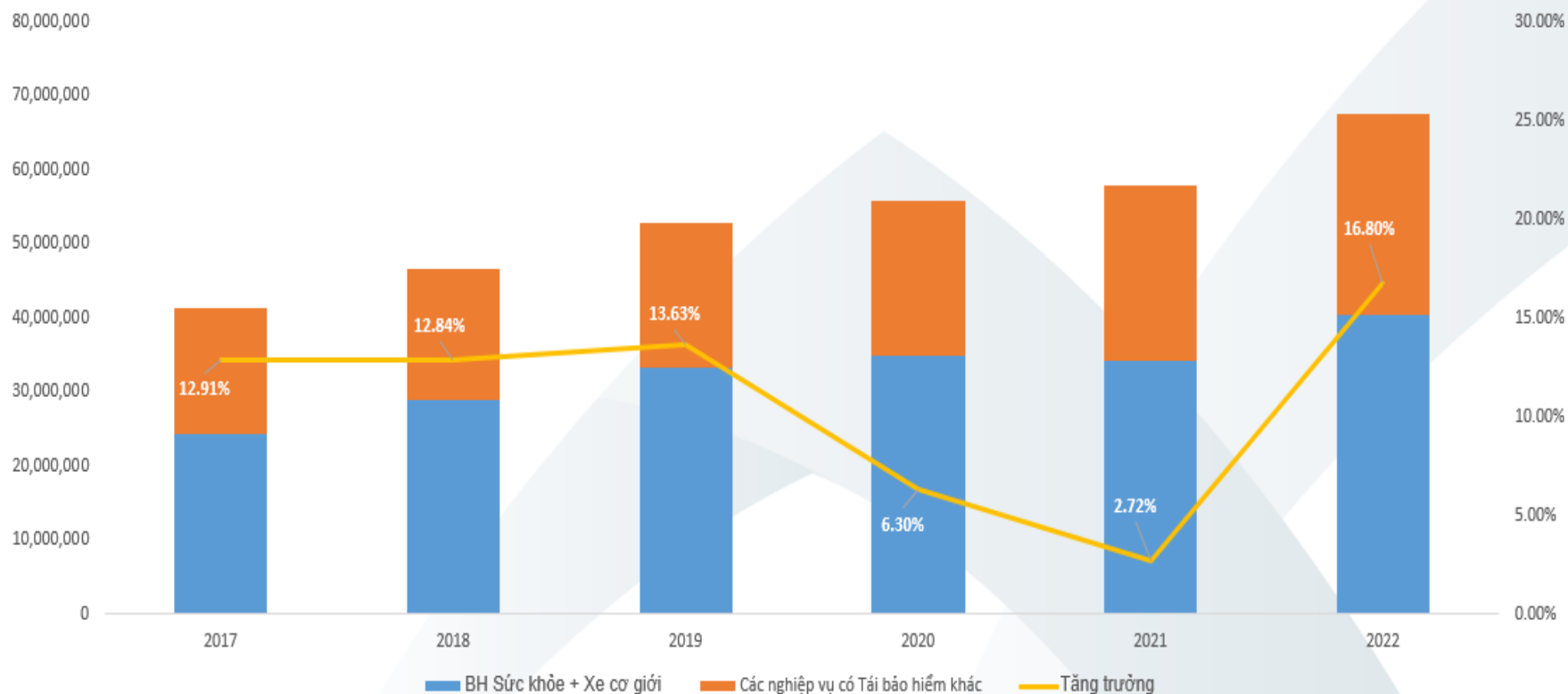


Thị trường bảo hiểm Việt Nam 2022

- Tình hình cạnh tranh phi kỹ thuật trên thị trường vẫn diễn ra ở hầu hết các nghiệp vụ như tăng chi phí khai thác cho các kênh bán (bao gồm cả các sản phẩm bảo hiểm thương mại), bên cạnh hình thức cạnh tranh phổ biến là hạ phí. Tỷ lệ phí thấp, tình hình bồi thường tiếp tục diễn biến phức tạp.
- Những tác động tiêu cực của dịch bệnh đến tình hình thị trường trong hai năm 2020/2021 cũng là động lực để các DN thúc đẩy mạnh các hình thức chuyển đổi số trong hoạt động, đặc biệt trong khâu phân phối sản phẩm bảo hiểm.
- Các quy định pháp lý mới được ban hành trong thời gian vừa qua (Luật Kinh doanh Bảo hiểm sửa đổi, Thông tư 50/2022/TT-BTC về bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động xây dựng, Nghị định 97/2021/NĐ-CP về bảo hiểm cháy nổ bắt buộc) sẽ có tác động tích cực đến sự phát triển của thị trường.
- Tái bảo hiểm: Các DN bảo hiểm PNT đã trải qua một mùa tái tục 2022/2023 hết sức khó khăn do ảnh hưởng trực tiếp từ xu hướng thị trường “hard” của thế giới.
- Các hợp đồng XOL phải chấp nhận tăng phí mạnh 15% - 20%, thậm chí cao hơn và tăng mức tự bồi thường. Hầu hết các hợp đồng tỷ lệ phải giảm năng lực (capacity), giảm event limit, giảm hoa hồng TBH, một số phải chấp nhận Sliding Scale Commission.

Tăng trưởng doanh thu phí BH

Doanh thu phí Bảo hiểm phi nhân thọ



Kết quả kinh doanh Tái bảo hiểm 2022

Kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh 2022

Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2022	TH/KH 2022	Thực hiện 2021	Tăng trưởng
Doanh thu phí nhận	2,368,870	2,211,345	107.1%	2,246,160	105.5%
<i>Các nghiệp vụ TBH cốt lõi</i>	1,971,335	1,901,345	103.7%	1,728,495	114.1%
<i>Nghiệp vụ PA</i>	397,536	310,000	128.2%	517,666	76.8%
Lợi nhuận trước thuế	439,371	434,700	101.1%	407,914	107.7%
<i>Lợi nhuận chưa có CLTG</i>	437,753	434,700	100.7%	408,821	107.1%
<i>Chênh lệch tỷ giá</i>	1,618			(907)	
Tỷ lệ cổ tức dự kiến	10% TM 10% CP	12%		13% TM	

Doanh thu phí nhận theo nghiệp vụ

Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Nghiệp vụ	Thực hiện 2022	Thực hiện 2021	So sánh cùng kỳ (%)	Kế hoạch 2022	So sánh TH/KH (%)
Kỹ thuật	342,629	306,118	111.9%	320,000	107.1%
Tài sản	808,190	709,387	113.9%	800,000	101.0%
Hàng hải	453,314	397,777	114.0%	424,000	106.9%
Hỗ trợ	367,202	315,213	116.5%	357,345	102.8%
Cộng	1,971,335	1,728,495	114.1%	1,901,345	103.7%
BH liên kết TCTD	397,536	517,666	76.8%	310,000	128.2%
Tổng	2,368,870	2,246,160	105.46%	2,211,345	107.1%

- ❖ Doanh thu phí các nghiệp vụ TBH cốt lõi đạt 1,971.3 tỷ VNĐ, bằng 114.1% so với cùng kỳ năm trước, đạt 103.7% KH cả năm;
- ❖ Doanh thu phí nghiệp vụ Banca PA đạt 397.5 tỷ VNĐ, bằng 76.8% so với cùng kỳ năm trước, đạt 128.2% KH cả năm;

Tình hình bồi thường 2022

Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Chỉ tiêu	2022	2021	So sánh (%)
Chi bồi thường nhận TBH (1)	976,933	856,128	114.1%
Thu bồi thường nhượng TBH (2)	616,506	548,472	112.4%
Tăng (giảm) dự phòng bồi thường (3)	(15,752)	83,030	
Bồi thường thuộc TNGL (4 = 1-2+3)	<u>344,675</u>	<u>390,685</u>	<u>88.2%</u>

Các tổn thất lớn ghi nhận trong năm 2022

(Một số tổn thất lớn nhất theo trách nhiệm nhận của VINARE)

Tổn thất	Nghiệp vụ	Ngày tổn thất	100% tổn thất	TN nhận VNR	TNGL VNR
SWR XOL – Renesas Electronics	Property	19/03/2021	69,022,255	2,243,223	690,222
SIRIUS POINT – Hurricane Ian	Property	23/09/2022	85,774,591	2,102,897	266,128
TAY SON 4-3308/2021	P&I	27/07/2021	3,430,000	823,200	466,480
SCAVI HUE	Property	13/06/2022	21,800,000	700,938	420,563
KODA SAIGON	Property	03/01/2022	2,387,893	417,058	250,235
CTY CP NHA TRANG – DA LAT	Engineering	26/02/2020	413,396	385,079	161,142
CV VINA	Property	20/01/2022	1,866,957	373,391	224,035
KRIC OSL – Changseong Construction	Engineering	05/01/2022	44,120,521	317,668	273,856
LIMCO ASIA	Hull	22/01/2019	1,398,031	279,606	206,908
GLOBE 6-2022002234	P&I	05/06/2022	320,000	265,600	44,160
PHONG NGUYEN WINDFARM	Property	04/07/2022	2,608,696	261,701	157,021

Dự phòng nghiệp vụ 2022

Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Trích bổ sung DP nghiệp vụ	31/12/2022	+/- trong kỳ	31/12/2021
Nhận tái bảo hiểm			
- Dự phòng phí	1,148,013	52,493	1,095,520
- Dự phòng bồi thường (Outstanding + IBNR)	1,592,468	(264,594)	1,857,063
Nhượng tái bảo hiểm			
- Dự phòng phí	539,132	58,280	480,852
- Dự phòng bồi thường (Outstanding + IBNR)	901,765	(235,038)	1,136,804
Kết dư dự phòng (net)			
- Dự phòng phí	608,881	(5,787)	614,668
- Dự phòng bồi thường (Outstanding + IBNR)	690,703	(29,556)	720,259
- Dự phòng dao động lớn	197,475	12,711	184,764

Tình hình công nợ kinh doanh TBH

Đơn vị tính: Tr. VNĐ

	Dưới 6T	6T - 1 năm	1 - 2 năm	2 - 3 năm	Trên 3 năm	Tổng
Công nợ phải thu	142,120	86,939	18,648	2,829	19,461	269,996
Công nợ phải trả	107,142	12,829	4,135	1,047	34,904	160,057
Net phải thu	34,977	74,110	14,513	1,783	(15,444)	109,940

Chi quản lý, bán hàng và dự phòng phải thu

Chỉ tiêu	2022	2021	KH 2022	So sánh	
				Cùng kỳ	TH/KH
Chi quản lý	103,051	93,415	102,037	110.3%	101.0%
Dự phòng phải thu	7,450	(3,896)	3,000		248.3%
<u>Tổng</u>	<u>110,501</u>	<u>89,519</u>	<u>105,037</u>	<u>123.4%</u>	<u>105.2%</u>

Kết quả hoạt động đầu tư tài chính 2022

Các yếu tố ảnh hưởng hoạt động đầu tư

- Trong năm 2022, các NHTW lớn đều có xu hướng chuyển từ nới lỏng sang thắt chặt chính sách tiền tệ, FED đã 7 lần nâng lãi suất từ 0% lên 4.5%. Trước áp lực trên và phù hợp với xu hướng chung trên toàn thế giới, NHNN đã hai lần điều chỉnh tăng các mức lãi suất điều hành vào tháng 9 và tháng 10/2022 mỗi lần khoảng 1%. Xu hướng lãi suất tăng mạnh vào thời điểm cuối năm.
- Thị trường chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản bộc lộ rủi ro tác động lên tâm lý, niềm tin của nhà đầu tư và dòng vốn trên thị trường với những vấn đề liên quan đến thao túng giá cổ phiếu, huy động trái phiếu doanh nghiệp.
- Năm 2022, thị trường chứng khoán Việt Nam chứng kiến đợt sụt giảm mạnh kể từ đầu Quý II, sau khi đạt ngưỡng đỉnh 1,536.45 điểm tại phiên 10/01. VN-Index đã rớt xuống mức thấp kỷ lục năm (873.78 điểm) trong phiên 16/11. Tính đến 31/12/2022, VN-Index đã giảm 33% so với cuối năm trước, về mức 1,007 điểm. Thanh khoản của thị trường đã sụt giảm đáng kể, giá trị giao dịch bình quân chỉ còn 19.1 nghìn tỷ VND/phiên, giảm 24% so với năm 2021.
- Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) cũng ghi nhận sự sụt giảm mạnh khối lượng phát hành so với năm trước. Theo Fiinpro và VBMA, lũy kế 12 tháng năm 2022, giá trị phát hành trái phiếu ra công chúng từ đầu năm là 10,599 tỷ đồng, giảm 65% (chiếm 4% tổng giá trị phát hành), giá trị phát hành trái phiếu riêng lẻ là 244,565 tỷ đồng, giảm 66% (chiếm 96% tổng giá trị phát hành).

Tình hình phân bổ vốn đầu tư 2022

Đơn vị tính: Tr. VNĐ

STT	Danh mục đầu tư	Giá trị đầu tư 31/12/2022	Giá trị đầu tư 01/01/2022	+/- so với đầu năm	Tỷ trọng
1	Tiền gửi	2,765,300	2,740,500	24,800	64.0%
2	Trái phiếu	680,000	559,490	120,510	15.7%
3	Góp vốn DN khác	494,296	522,701	(28,406)	11,4%
4	Ủy thác đầu tư, CCQ	315,000	265,000	50,000	7.3%
5	Văn phòng cho thuê	4,591	6,410	(1,819)	0.1%
6	Đầu tư BĐS	11,206	11,206		0.3%
7	Tiền trên TK thanh toán(*)	51,000	25,282	25,718	1.1%
	Tổng cộng	4,321,393	4,130,589	190,803	100.0%

Kết quả hoạt động đầu tư 2022

Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	Thực hiện 2021	So sánh cùng kỳ	Kế hoạch 2022	So sánh kế hoạch
Doanh thu đầu tư & khác	418,910	462,733	90.5%	438,000	95.6%
Chi phí đầu tư & khác	106,270	95,055	111.8%	29,000	366.4%
Thu nhập đầu tư & khác	<u>312,640</u>	<u>367,678</u>	<u>85.0%</u>	<u>409,000</u>	<u>76.4%</u>

Đánh giá hoạt động đầu tư 2022

- Tổng tài sản đầu tư đến 31/12/2022 đạt 4,321.4 tỷ, tăng 190.8 tỷ so với đầu năm.
- Gia tăng phân bổ tài sản vào danh mục trái phiếu tăng vốn của các ngân hàng được xếp hạng tín nhiệm (tăng 120,5 tỷ so với đầu năm) và danh mục ủy thác đầu tư chứng khoán (tăng 50 tỷ so với đầu năm). Đã chuyển dịch tăng tỷ trọng đối với các danh mục đầu tư dài hạn, cơ cấu lại danh mục tiền gửi và trái phiếu an toàn, nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư dài hạn.
- Lợi nhuận đầu tư đạt 312.6 tỷ đồng, bằng 76.4% kế hoạch, giảm 15% so với năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do những yếu tố bất định trong và ngoài nước tác động mạnh đến thị trường chứng khoán, đầu tư và biến động lãi suất.

Các hoạt động khác 2022

Một số hoạt động trọng tâm 2022

XÂY DỰNG THỂ CHẾ

Sửa đổi Quy chế Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức đối với các chức danh cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền của TGD

Hoàn thiện, ban hành Quy trình phát sinh chứng từ nghiệp vụ và Quy trình đối chiếu sổ dư công nợ

Ban hành Bộ Quy tắc ứng xử và Đạo đức nghề nghiệp

Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng chữ ký số

HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

Thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ nghiên cứu triển khai sản phẩm mới, Tổ nghiên cứu triển khai sản phẩm Parametric Risk Transfer

Gia hạn MOU với Swiss Re (thời hạn 02 năm, mở rộng phạm vi hợp tác)

Ký kết MOU với Thai Re (tiếp tục làm việc về các sản phẩm mới hợp tác với Thai Re)

Sản phẩm K-care phối hợp cùng DNBH gốc

Hội nghị TBH lần thứ 8 tại Nha Trang

Tham dự Hội nghị Tái bảo hiểm Singapore (SIRC), làm việc với các nhà nhận TBH quốc tế và môi giới để chuẩn bị tái tục 2022/2023

Một số hoạt động trọng tâm 2022

TỔ CHỨC BỘ MÁY

Hoàn thiện, ban hành bảng mô tả công việc và chức danh (JD và JR), đánh giá hiệu quả làm việc (KPI)

Quy hoạch chức danh cán bộ quản lý 2022

Bổ nhiệm lại các vị trí cán bộ quản lý đến hạn

Quy hoạch các chức danh quản trị điều hành

Bổ nhiệm Giám đốc Ban TC-KT và Phó Giám đốc một số Ban

Triển khai quy trình bổ nhiệm bổ sung 1 Phó Tổng Giám đốc

HOẠT ĐỘNG KHÁC

Rating: tiếp tục duy trì FSR B++ (Tốt) và ICR bbb+ (Tốt)

Ban hành kế hoạch và lộ trình thực hiện ESG (Phát triển bền vững)

Báo cáo Quản lý rủi ro 2021

Đóng góp ý kiến các dự thảo Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh Bảo hiểm

KTNB Dự án Đầu tư VINARE Invest, Ban Kỹ thuật, Ban Hàng hải, Ban Tài chính – Kế toán, Ban IT

Phát hành 2 Bản tin Bảo hiểm/Tái bảo hiểm năm 2022 (tiếng Việt và tiếng Anh) trong và ngoài nước

Dự án ViCore

Dự án Vidoc và Vicontent

Các thành tích nổi bật 2022

- ❖ Bằng khen của BTC tặng doanh nghiệp “đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 – 2021”
- ❖ Top 10 Thương hiệu xuất sắc – Thương hiệu mạnh Việt Nam 2021 – 2022
- ❖ Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2022
- ❖ Bảng xếp hạng VNR500 – Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam – năm 2022
- ❖ Top 10 Doanh nghiệp niêm yết quản trị công ty tốt trong kỳ đánh giá năm 2021 – 2022
- ❖ Top 10 doanh nghiệp niêm yết có báo cáo thường niên xuất sắc nhất năm 2022 nhóm vốn hóa vừa
- ❖ Ông Nguyễn Anh Tuấn, Chủ tịch HĐQT vinh dự nhận Giải thưởng Doanh nhân trẻ Việt Nam tiêu biểu 2022

Phương hướng nhiệm vụ kinh doanh 2023

Dự báo tình hình kinh tế 2023

- Dự báo kinh tế thế giới sẽ còn gặp nhiều khó khăn trong năm 2023, các động lực tăng trưởng kinh tế toàn cầu đều đang suy yếu và khó dự đoán.
- Mặc dù có sự tăng trưởng tốt trong năm 2022, nhu cầu toàn cầu đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam đang có xu hướng tăng trưởng chậm lại. Các chỉ số tăng trưởng sản xuất công nghiệp, xuất khẩu, ... của Quý 4 đều giảm so với Quý 3 → dự báo năm 2023 nền kinh tế sẽ gặp nhiều khó khăn, tăng trưởng dự kiến chậm lại.
- Mục tiêu tăng trưởng GDP trong năm 2023 của Quốc hội đặt ra là 6.5%.

Dự báo tình hình thị trường BH/ TBH 2023

- Sức tăng trưởng của thị trường trong nước chưa rõ nét cộng với dự báo không mấy tích cực về kinh tế thế giới khiến các DNBH trong nước khá thận trọng khi đưa ra các chỉ tiêu kinh doanh cho năm 2023.
- Áp lực cạnh tranh gia tăng, việc khai thác khách hàng mới và giữ chân khách hàng tái tục gặp nhiều khó khăn.
- Yếu tố hỗ trợ tích cực là Luật KDBH 2022 có hiệu lực, từ 1/1/2023 nhiều dự án hạ tầng giao thông trọng điểm quốc gia được thúc đẩy triển khai, ...
- Thị trường BH PNT dự kiến có thể tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng trên 15% nhờ sự tiếp tục phục hồi của nền kinh tế, sức tiêu dùng nội địa tăng mạnh, các chính sách cải cách kinh tế, thu hút đầu tư nước ngoài cũng như sự phát triển ngày càng đa dạng của các sản phẩm BH mới cũng như các hình thức phân phối mới. Đa số các DNBH định hướng tăng trưởng ở sản phẩm bán lẻ.

Chủ trương của VINARE 2023

➤ **Chủ trương chung:** Tiếp tục tăng cường quản trị rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh TBH; Từng bước mở rộng thị trường TBH, nâng cao năng lực cung cấp giá trị gia tăng cho thị trường (quản lý rủi ro, đào tạo, sản phẩm, chương trình TBH, các giải pháp phát triển bền vững);

➤ **Một số lĩnh vực cụ thể:**

❖ **Kinh doanh Tái bảo hiểm**

- Tiếp tục tập trung nghiên cứu, triển khai các lĩnh vực, sản phẩm mới.
- Tiếp tục tìm kiếm giải pháp nâng thị phần phí nhận TBH từ các nghiệp vụ truyền thống có hiệu quả.
- Tập trung quản lý rủi ro nghiệp vụ Hàng hóa (hàng xá), Tài sản.
- Tăng cường năng lực cung cấp sản phẩm các nghiệp vụ Trách nhiệm.
- Tham gia một cách có kiểm soát chặt chẽ các dịch vụ xe cơ giới, các dịch vụ liên kết ngân hàng – bảo hiểm trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc an toàn, hiệu quả, đúng quy định và đảm bảo biên khả năng thanh toán.

Chủ trương của VINARE 2023

❖ Tổ chức bộ máy và quản trị công ty

- Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy quản trị công ty theo Luật Kinh doanh Bảo hiểm 2022 và các chính sách về phát triển nhân sự, quản trị công ty phù hợp với VINARE

❖ Đầu tư:

- Tăng cường quản trị rủi ro, an toàn vốn
- Tăng cường giám sát hoạt động ủy thác đầu tư
- Rà soát phân bổ tài sản đầu tư trên cơ sở tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính và Quy chế Đầu tư của VINARE. Đánh giá rủi ro phân bổ tài sản đầu tư và có giải pháp cụ thể, đảm bảo an toàn - hiệu quả - bền vững.
- Tiếp tục thúc đẩy tiến trình giải quyết công nợ và các dự án của VINARE Invest
- Theo sát, quản lý danh mục góp vốn đầu tư vào các doanh nghiệp

Kế hoạch kinh doanh 2023

Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2022	Tăng trưởng
Doanh thu phí nhận	2,468,000	2,368,870	4.2%
- Các nghiệp vụ TBH cốt lõi	2,168,000	1,971,335	10.0%
- Nghiệp vụ PA	300,000	397,536	-24.5%
Lợi nhuận trước thuế	460,000	439,371	
- Lợi nhuận không bao gồm CLTG	460,000	437,753	5.1%
- Chênh lệch tỷ giá	Chưa xác định	1,618	
Tỷ lệ cổ tức dự kiến	12%	10% bằng tiền 10% bằng cổ phiếu	

Nhiệm vụ trọng tâm 2023

1. Hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh 2023.
2. Tiếp tục duy trì, tăng cường quan hệ đối tác với các doanh nghiệp bảo hiểm, tái bảo hiểm, môi giới bảo hiểm trong nước và quốc tế.
3. Phát triển, đẩy mạnh các nghiên cứu/đề xuất về sản phẩm, dịch vụ mới.
4. Tăng cường giải pháp/ năng lực TBH cho thị trường, chuỗi cung cấp giá trị gia tăng cho khách hàng; tiếp tục phát triển, mở rộng thị trường.
5. Tiếp tục đánh giá và hoàn thiện các chính sách phát triển nguồn lực.
6. Tăng cường quản lý rủi ro (Rủi ro nội bộ & cung cấp giá trị gia tăng về QLRR cho thị trường).
7. Duy trì/nâng hạng xếp hạng tín nhiệm AM Best.
8. Tập trung quản trị chi phí theo hướng hiệu quả.
9. Nâng cao năng lực đầu tư, giám sát chặt chẽ các danh mục, thực hiện đánh giá định kỳ.

Nhiệm vụ/Giải pháp cơ bản trong từng lĩnh vực

Marketing

- Phân nhóm khách hàng và đề xuất thực hiện các chính sách riêng biệt với từng nhóm khách hàng, đặc biệt chú trọng chính sách khách hàng trong nước.
- Thúc đẩy thương hiệu và hình ảnh VINARE trên thị trường trong nước và quốc tế
- Khai thác dịch vụ quốc tế: xác định các thị trường tiềm năng và chiến lược tiếp cận và mở rộng trao đổi nhận/nhượng một cách thận trọng, đảm bảo an toàn, hiệu quả.
- Tiếp tục nghiên cứu phát triển các sản phẩm và giải pháp chuyển giao rủi ro trong điều kiện chuyển đổi số mạnh mẽ.
- Tăng cường hợp tác với các công ty tái bảo hiểm quốc gia trong khu vực và quốc tế trong việc phát triển sản phẩm tại thị trường Việt nam và trao đổi dịch vụ với các thị trường trong khu vực

Nhiệm vụ/Giải pháp cơ bản trong từng lĩnh vực

Đầu tư

- Tăng cường chất lượng và hiệu quả hoạt động cho thuê văn phòng
- Đánh giá danh mục góp vốn vào doanh nghiệp khác và phân bổ tài sản đầu tư
- Tìm kiếm cơ hội đầu tư, thận trọng đánh giá danh mục ủy thác đầu tư
- Tăng cường kiểm soát hoạt động của VINARE Invest (tiến độ giải quyết công nợ, thúc đẩy dự án đang triển khai)

Tài chính - Kế toán

- Tập trung kiểm soát, quản trị doanh thu - chi phí, các quy trình quản lý chi phí và các chính sách thúc đẩy tăng năng suất lao động.

Quản lý rủi ro

- Tăng cường hoạt động giám định rủi ro của VINARE và thị trường
- Nâng cao năng lực quản lý tài sản – nợ phải trả (Asset Liability Management)

Nhiệm vụ/Giải pháp cơ bản trong từng lĩnh vực

Quản trị công ty & Tổ chức bộ máy

- Tổ chức thực hiện và giám sát kết quả thực hiện lộ trình ESG
- Tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả quản trị doanh nghiệp. Tiếp tục kế hoạch Kiểm toán nội bộ theo phê duyệt.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (tự đào tạo, thuê đào tạo ...) và chính sách phát triển nguồn lực

Công nghệ thông tin và cơ sở vật chất

- Vận hành hệ thống công nghệ thông tin an toàn, hiệu quả, bảo đảm an ninh/an toàn hệ thống
- Vận hành hệ thống ViCore an toàn
- Đưa vào sử dụng hệ thống quản lý văn bản điện tử, tích hợp chữ ký số
- Chỉnh trang cơ sở vật chất, trụ sở, phương tiện làm việc.



TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

*Phê duyệt báo cáo tài chính, phương án sử dụng lợi tức, thù lao HĐQT, BKS, thư ký 2022;
(Tài liệu phục vụ cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2023 ngày 20/4/2023)*

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (VINARE);
- Căn cứ các Nghị quyết của ĐHĐCĐ liên quan đến việc phân phối lợi tức thực hiện và kết quả kinh doanh năm 2021 đã được kiểm toán;

Hội đồng quản trị VINARE trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

1. Phê duyệt báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam):

1.1 Phê duyệt báo cáo tài chính riêng năm 2022: Một số chỉ tiêu chính

- Tổng tài sản: 6.861.671.130.667 VND
- Vốn chủ sở hữu: 3.212.138.104.741 VND
- Dự phòng nghiệp vụ:
 - Dự phòng Nhượng TBH: 1.440.897.174.956 VND
 - Dự phòng Nhận TBH: 2.937.956.784.312 VND

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021 (VND)	Thực hiện 2022 (VND)	KH 2022 (VND)	So sánh 2022/ KH	So sánh 2022/21
1. Doanh thu phí nhận TBH	2.246.160.196.791	2.368.870.128.678	2.211.345.000.000		
- Các nghiệp vụ TBH cốt lõi	1.728.494.605.429	1.971.334.594.477	1.901.345.000.000	103,7%	114,1%
- Nghiệp vụ PA	517.665.591.362	397.535.534.201	310.000.000.000	128,2%	76,8%
2. Lợi nhuận trước thuế	407.913.751.730	439.371.248.415	434.700.000.000	101,1%	107,7%
2.1. Lợi nhuận được phân phối	408.821.120.886	437.753.353.406	434.700.000.000	100,7%	107,1%
2.2. Lợi nhuận không được phân phối (Chênh lệch tỷ giá)	(907.369.156)	1.617.895.009			

Tổng công ty đã hoàn thành toàn diện và vượt mức kế hoạch kinh doanh đề ra.

1.2 Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022: Một số chỉ tiêu chính :

- Tổng tài sản: 7.126.478.829.142 VND
- Vốn chủ sở hữu: 3.457.330.542.557 VND
- Dự phòng nghiệp vụ:
 - Dự phòng Nợ TBH: 1.440.897.174.956 VND
 - Dự phòng Nhận TBH: 2.937.956.784.312 VND

(Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất 2022 đã được kiểm toán đính kèm)

2. Phê duyệt phương án phân phối lợi tức năm 2022:

2.1 Các chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện:

Chỉ tiêu lợi nhuận	Số tiền (VND)
Lợi nhuận còn lại tại ngày 01/01/2022	637.431.526.125
- Lợi nhuận được phân phối	563.296.818.935
- Lợi nhuận không được phân phối (chênh lệch tỷ giá)	74.134.707.190
Thuế TNDN nộp theo quyết định thanh tra thuế	64.565.035
- Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2022	354.828.356.681
- Lợi nhuận được phân phối	353.210.461.672
Lợi nhuận không được phân phối (chênh lệch tỷ giá)	1.617.895.009
- Lợi nhuận sau thuế lũy kế 31/12/2022 (4=1-2+3)	992.195.317.771
- Lợi nhuận được phân phối	916.442.715.572

2.2 Phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế 2022:

Phân phối lợi nhuận sau thuế 2022	Số tiền (VND)
Quỹ dự trữ bắt buộc (5% Lợi nhuận sau thuế) ¹	3.031.682.301
Quỹ đầu tư phát triển	0
Quỹ khen thưởng (1,5% Lợi nhuận sau thuế)	5.298.156.925
Quỹ Phúc lợi Tổng Công ty (01 tháng lương thực hiện)	5.407.791.638
Chi trả cổ tức năm 2022 (tỷ lệ 10%)	150.737.130.000
Lợi nhuận còn lại	827.720.556.907
- Lợi nhuận được phân phối	751.967.954.708
- Lợi nhuận không được phân phối (chênh lệch tỷ giá)	75.752.602.199

¹ Theo Nghị định 73/2016/NĐ-CP, mức tối đa của Quỹ Dự trữ bắt buộc bằng 10% vốn điều lệ.

2.3 Tỷ lệ cổ tức năm 2022:

- ĐHĐCĐ phê chuẩn tại Nghị quyết số 07/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2022 dự kiến: 12%.
- Tỷ lệ cổ tức năm 2022 trình ĐHĐCĐ thông qua:
 - + 10% bằng tiền và;
 - + 10% bằng cổ phiếu, để thực hiện lộ trình tăng vốn Điều lệ lên 2.000 tỷ đồng theo Nghị quyết số 10/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/06/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 (Nguồn sử dụng dự kiến: Thặng dư vốn cổ phần).

3. Phê duyệt thù lao (bao gồm cả thuế) của HĐQT, BKS, tổ thư ký HĐQT năm 2022: 2.144.766.723 VND.

Mức chi thù lao theo Quyết định số 11/2015/QĐ-HĐQT ngày 21/8/2015.

CHỦ TỊCH HĐQT *mf*



[Handwritten signature]

Nguyễn Anh Tuấn

P
I
M

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

Mẫu số B 01 – DNPNT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.018.563.992.986	5.333.758.112.595
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	62.060.369.355	23.404.895.430
111	Tiền		50.760.369.355	23.404.895.430
112	Các khoản tương đương tiền		11.300.000.000	-
120	Đầu tư ngắn hạn	4	2.395.021.691.753	2.529.826.973.276
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.396.530.296.150	2.529.827.849.488
124	Dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn		(1.508.604.397)	(876.212)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		700.682.675.534	709.562.237.043
131	Phải thu ngắn hạn khách hàng	5	574.051.278.975	574.919.058.343
131.1	- Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		574.020.303.681	574.030.810.370
131.2	- Phải thu khác của khách hàng		30.975.294	888.247.973
132	Trả trước ngắn hạn cho người bán		-	92.148.282
136	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6(a)	147.440.317.958	147.909.478.462
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(20.808.921.399)	(13.358.448.044)
140	Hàng tồn kho		63.135.360	23.480.404
141	Hàng tồn kho		63.135.360	23.480.404
150	Tài sản ngắn hạn khác		419.838.946.028	453.284.805.473
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8(a)	419.833.617.004	453.284.805.473
151.1	- Chi phí hoa hồng chờ phân bổ		419.575.164.824	453.183.431.245
151.2	- Chi phí trả trước ngắn hạn khác		258.452.180	101.374.228
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		5.329.024	-
190	Tài sản tái bảo hiểm		1.440.897.174.956	1.617.655.720.969
191	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	16(a)	539.131.785.146	480.852.069.331
192	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	16(a)	901.765.389.810	1.136.803.651.638

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 59 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

Mẫu số B 01 – DNPNT

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN RIÊNG
(TIẾP THEO)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		1.843.107.137.681	1.581.497.131.979
210	Các khoản phải thu dài hạn		30.512.727.357	32.105.382.152
218	Phải thu dài hạn khác		30.512.727.357	32.105.382.152
218.1	- Kỳ quỹ bảo hiểm	2.9	22.000.000.000	22.000.000.000
218.2	- Phải thu dài hạn khác	6(b)	8.512.727.357	10.105.382.152
220	Tài sản cố định		7.475.165.347	7.763.664.750
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	7.475.165.347	7.763.664.750
222	Nguyên giá		31.352.944.471	30.710.866.071
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(23.877.779.124)	(22.947.201.321)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	-	-
228	Nguyên giá		32.392.480.734	32.392.480.734
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(32.392.480.734)	(32.392.480.734)
230	Bất động sản đầu tư	10	4.591.264.839	6.409.861.437
231	Nguyên giá		34.055.061.893	34.055.061.893
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(29.463.797.054)	(27.645.200.456)
240	Tài sản dở dang dài hạn		7.270.481.576	3.071.777.834
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		7.270.481.576	3.071.777.834
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		1.791.026.458.388	1.530.230.829.188
251	Đầu tư vào công ty con	4(b)	60.000.000.000	60.000.000.000
252	Đầu tư vào công ty liên kết	4(b)	125.000.000.000	125.000.000.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	309.296.176.180	337.701.918.974
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(b), 4(c)	(28.079.427.638)	(818.115.170)
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(c)	1.324.809.709.846	1.008.347.025.384
260	Tài sản dài hạn khác		2.231.040.174	1.915.616.618
261	Chi phí trả trước dài hạn	8(b)	1.489.415.725	964.663.623
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		741.624.449	950.952.995
270	TỔNG TÀI SẢN		6.861.671.130.667	6.915.255.244.574


Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 59 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

Mẫu số B 01 – DNPNT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(TIẾP THEO)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		3.649.533.025.926	3.851.216.713.916
310	Nợ ngắn hạn		3.648.480.666.350	3.850.226.087.172
311	Phải trả cho người bán	11	446.338.966.173	483.810.717.898
311.1	- Phải trả về hợp đồng bảo hiểm		444.926.702.759	482.821.864.066
311.2	- Phải trả khác cho người bán		1.412.263.414	988.853.832
312	Người mua trả tiền trước		641.838.862	149.132.743
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	30.241.330.801	17.424.801.172
314	Phải trả người lao động		23.553.328.343	28.535.860.657
315	Chi phí phải trả ngắn hạn		1.227.469.537	324.371.676
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13(a)	35.217.900.275	31.305.070.961
319.1	Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	13(a)	112.203.575.689	99.311.540.367
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	14	32.662.726.852	25.929.549.564
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15	28.436.745.506	26.087.735.092
329	Dự phòng nghiệp vụ	16	2.937.956.784.312	3.137.347.307.042
329.1	- Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm		1.148.013.393.804	1.095.520.329.811
329.2	- Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm		1.592.468.265.070	1.857.062.704.442
329.3	- Dự phòng dao động lớn		197.475.125.438	184.764.272.789
330	Nợ dài hạn		1.052.359.576	990.626.744
337	Phải trả dài hạn khác	13(b)	1.052.359.576	990.626.744
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.212.138.104.741	3.064.038.530.658
410	Vốn chủ sở hữu		3.212.138.104.741	3.064.038.530.658
411	Vốn góp của chủ sở hữu	17	1.507.371.300.000	1.507.371.300.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.507.371.300.000	1.507.371.300.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	17	369.756.607.309	369.756.607.309
418	Quỹ đầu tư phát triển	18	205.815.380.525	205.815.380.525
419	Quỹ dự trữ bắt buộc	18	150.737.130.000	147.705.447.699
421	Lợi nhuận chưa phân phối	18	978.457.686.907	833.389.795.125
421a	- Lợi nhuận sau thuế lũy kế của các năm trước		637.366.961.090	528.386.432.949
421b	- Lợi nhuận sau thuế của năm nay		341.090.725.817	305.003.362.176
440	TỔNG NGUỒN VỐN		6.861.671.130.667	6.915.255.244.574


Nguyễn Thành Công
Người lập


Lưu Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng



Mai Xuân Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 17 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 59 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

Mẫu số B 01 – DNPNT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(TIẾP THEO)

Mã số	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Đơn vị	Tại ngày	
			31/12/2022	31/12/2021
1.	Ngoại tệ các loại			
	Đô la Mỹ	USD	2.068.564,40	461.003,78
	Đô la Úc	AUD	345,15	345,15
	Yên Nhật	JPY	43.775,00	43.775,00
	Đô la Singapore	SGD	1.119,87	2.974,87
	Bảng Anh	GBP	5.770,51	5.770,51
	Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	74,24	257.206,30



Nguyễn Thành Công
Người lập



Lưu Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng



Mai Xuân Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 17 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 59 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

Mẫu số B 02 – DNPNT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

PHẦN I – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG TỔNG HỢP

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2022 VND	2021 VND
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm		1.514.308.357.861	1.605.861.780.616
11	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư		6.183.638.229	6.377.322.910
12	Doanh thu hoạt động tài chính	24	411.740.714.725	455.727.554.841
13	Thu nhập khác		985.724.488	627.773.726
20	Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(1.277.076.254.994)	(1.476.106.971.239)
21	Giá vốn bất động sản đầu tư		(2.280.953.244)	(1.685.024.583)
22	Chi phí hoạt động tài chính	25	(103.262.975.048)	(92.953.473.087)
23	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(110.501.066.179)	(89.519.195.164)
24	Chi phí khác		(725.937.423)	(416.016.290)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		439.371.248.415	407.913.751.730
51	Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	29	(84.333.563.188)	(77.181.859.898)
52	Thuế TNDN hoãn lại	29	(209.328.546)	950.952.995
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		354.828.356.681	331.682.844.827



Nguyễn Thành Công
Người lập



Lưu Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng



Mai Xuân Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 17 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 59 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

Mẫu số B 02 – DNPNT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (TIẾP THEO)

PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG THEO HOẠT ĐỘNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2022 VND	2021 VND
1	Doanh thu phí bảo hiểm	19	2.316.377.064.685	2.347.344.273.540
1.2	- Phí nhận tái bảo hiểm		2.368.870.128.678	2.246.160.196.791
1.3	- Tăng/(giảm) dự phòng phí chưa được hưởng của bảo hiểm gốc		52.493.063.993	(101.184.076.749)
2	Phí nhượng tái bảo hiểm	20	(1.035.745.910.966)	(962.796.018.762)
2.1	- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm		(1.094.025.626.781)	(973.383.862.953)
2.2	- Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		58.279.715.815	10.587.844.191
3	Doanh thu phí bảo hiểm thuần		1.280.631.153.719	1.384.548.254.778
4	Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		233.677.204.142	221.313.525.838
4.1	- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	13	214.834.397.860	205.117.518.035
4.2	- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	23(a)	18.842.806.282	16.196.007.803
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm		1.514.308.357.861	1.605.861.780.616
11	Chi bồi thường	21	(976.933.211.110)	(856.127.582.862)
11.1	- Tổng chi bồi thường		(976.933.211.110)	(856.127.582.862)
12	Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm		616.506.062.624	548.472.453.322
13	(Giảm)/tăng dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm		(169.200.647.067)	263.813.338.082
14	(Giảm)/tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm		(153.448.695.516)	180.782.500.303
15	Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm		(344.675.196.935)	(390.685.967.319)
16	Tăng dự phòng dao động lớn	17(b)	12.710.852.649	12.699.169.578
17	Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(919.690.205.410)	(1.072.721.834.342)
17.1	- Chi hoa hồng bảo hiểm	22	(892.989.696.846)	(1.049.234.929.108)
17.2	- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	23(b)	(26.700.508.564)	(23.486.905.234)
18	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(1.277.076.254.994)	(1.476.106.971.239)
19	Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm		237.232.102.867	129.754.809.377
20	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư		6.183.638.229	6.377.322.910
21	Giá vốn bất động sản đầu tư		(2.280.953.244)	(1.685.024.583)
22	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản		3.902.684.985	4.692.298.327

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 59 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (TIẾP THEO)

PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG THEO HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2022 VND	2021 VND
23	Doanh thu hoạt động tài chính	24	411.740.714.725	455.727.554.841
24	Chi phí hoạt động tài chính	25	(103.262.975.048)	(92.953.473.087)
25	Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính		308.477.739.677	362.774.081.754
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(110.501.066.179)	(89.519.195.164)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		439.111.461.350	407.701.994.294
31	Thu nhập khác		985.724.488	627.773.726
32	Chi phí khác		(725.937.423)	(416.016.290)
40	Lợi nhuận khác - số thuần		259.787.065	211.757.436
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		439.371.248.415	407.913.751.730
51	Thuế TNDN hiện hành	29	(84.333.563.188)	(77.181.859.898)
52	Thuế TNDN hoãn lại	29	(209.328.546)	950.952.995
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		354.828.356.681	331.682.844.827



Nguyễn Thành Công
Người lập



Lưu Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng



Mai Xuân Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 17 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 59 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ RIÊNG
(THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)**

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm	968.004.203.788	691.598.279.339
02	Tiền chi cho hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm	(770.423.212.950)	(588.112.339.933)
03	Tiền chi trả cho người lao động	(62.368.668.025)	(53.445.641.903)
05	Trả tiền nộp thuế TNDN	(73.516.269.944)	(76.260.650.384)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	5.642.719.293	3.765.401.726
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(36.683.684.062)	(25.373.326.176)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	30.655.088.100	(47.828.277.331)
LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(5.498.472.350)	(2.291.321.234)
23	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(1.878.648.482.791)	(1.448.309.200.000)
24	Tiền thu hồi từ bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	1.673.848.314.110	1.332.149.210.067
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	28.405.742.794	19.652.181.917
27	Tiền thu lãi đầu tư, cổ tức và lợi nhuận được chia	384.340.662.624	314.654.770.051
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	202.447.764.387	215.855.640.801
LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Tiền cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(195.958.269.000)	(196.613.905.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(195.958.269.000)	(196.613.905.500)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	37.144.583.487	(28.586.542.030)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3 23.404.895.430	52.900.251.472
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	1.510.890.438	(908.814.012)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 62.060.369.355	23.404.895.430



Nguyễn Thành Công
Người lập



Lưu Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng



Mai Xuân Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 17 tháng 3 năm 2023.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.110.927.838.927	5.413.636.204.872
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	62.299.850.107	25.281.771.911
111	Tiền		50.999.850.107	25.281.771.911
112	Các khoản tương đương tiền		11.300.000.000	-
120	Đầu tư ngắn hạn	4	2.448.421.841.342	2.555.626.973.276
121	Chứng khoán kinh doanh		173.907.022	173.907.022
122	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(173.907.022)	(173.907.022)
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.449.930.445.739	2.555.627.849.488
124	Dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn		(1.508.604.397)	(876.212)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		734.437.899.128	749.104.853.143
131	Phải thu ngắn hạn khách hàng	5	574.051.278.975	574.919.058.343
131.1	- Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		574.020.303.681	574.030.810.370
131.2	- Phải thu khác của khách hàng		30.975.294	888.247.973
132	Trả trước ngắn hạn cho người bán		210.900.000	189.648.282
136	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6(a)	199.397.155.234	199.777.878.746
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(39.221.435.081)	(25.781.732.228)
140	Hàng tồn kho	8	3.733.935.360	10.906.163.404
141	Hàng tồn kho		3.978.566.815	12.285.428.859
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(244.631.455)	(1.379.265.455)
150	Tài sản ngắn hạn khác		421.137.138.034	455.060.722.169
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	419.833.617.004	453.284.805.473
151.1	- Chi phí hoa hồng chờ phân bổ		419.575.164.824	453.183.431.245
151.2	- Chi phí trả trước ngắn hạn khác		258.452.180	101.374.228
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ		1.298.192.006	1.775.916.696
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		5.329.024	-
190	Tài sản tài bảo hiểm		1.440.897.174.956	1.617.655.720.969
191	Dự phòng phí nhượng tài bảo hiểm	19(a)	539.131.785.146	480.852.069.331
192	Dự phòng bồi thường nhượng tài bảo hiểm	19(b)	901.765.389.810	1.136.803.651.638

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 66 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(TIẾP THEO)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		2.015.550.990.215	1.742.978.080.307
210	Các khoản phải thu dài hạn		24.343.353.424	25.936.008.219
218	Phải thu dài hạn khác		24.343.353.424	25.936.008.219
218.1	- Kỳ quỹ bảo hiểm	2.11	22.000.000.000	22.000.000.000
218.2	- Phải thu dài hạn khác	6(b)	2.343.353.424	3.936.008.219
220	Tài sản cố định		7.475.165.347	7.763.664.750
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	7.475.165.347	7.763.664.750
222	Nguyên giá		31.352.944.471	30.710.866.071
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(23.877.779.124)	(22.947.201.321)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	-	-
228	Nguyên giá		32.434.195.934	32.434.195.934
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(32.434.195.934)	(32.434.195.934)
230	Bất động sản đầu tư	11	4.591.264.839	6.409.861.437
231	Nguyên giá		34.055.061.893	34.055.061.893
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(29.463.797.054)	(27.645.200.456)
240	Tài sản dở dang dài hạn		21.306.605.255	17.107.901.513
241	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	12	14.036.123.679	14.036.123.679
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		7.270.481.576	3.071.777.834
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		1.947.745.227.843	1.675.986.694.437
252	Đầu tư vào công ty liên kết	4(c)	338.240.028.217	312.911.750.370
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(c)	309.296.176.180	337.701.918.974
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(c), 4(d)	(24.600.686.400)	(474.000.291)
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(d)	1.324.809.709.846	1.025.847.025.384
260	Tài sản dài hạn khác		10.089.373.507	9.773.949.951
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	1.489.415.725	964.663.623
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		741.624.449	950.952.995
268	Tài sản dài hạn khác	13	7.858.333.333	7.858.333.333
270	TỔNG TÀI SẢN		7.126.478.829.142	7.156.614.285.179

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 66 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(TIẾP THEO)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		3.669.148.286.585	3.870.939.538.027
310	Nợ ngắn hạn		3.668.095.927.009	3.869.948.911.283
311	Phải trả cho người bán	14	446.338.966.173	483.810.717.898
311.1	- Phải trả về hợp đồng bảo hiểm		444.926.702.759	482.821.864.066
311.2	- Phải trả khác cho người bán		1.412.263.414	988.853.832
312	Người mua trả tiền trước		641.838.862	1.411.832.743
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	30.243.810.801	17.428.131.172
314	Phải trả người lao động		23.553.328.343	28.609.644.657
315	Chi phí phải trả ngắn hạn		1.227.469.537	324.371.676
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16(a)	54.830.680.934	49.687.581.072
319.1	Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	16(a)	112.203.575.689	99.311.540.367
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	17	32.662.726.852	25.929.549.564
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	28.436.745.508	26.088.235.092
329	Dự phòng nghiệp vụ	19	2.937.956.784.312	3.137.347.307.042
329.1	- Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm		1.148.013.393.804	1.095.520.329.811
329.2	- Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm		1.592.468.265.070	1.857.062.704.442
329.3	- Dự phòng dao động lớn		197.475.125.438	184.764.272.789
330	Nợ dài hạn		1.052.359.576	990.626.744
337	Phải trả dài hạn khác	16(b)	1.052.359.576	990.626.744
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.457.330.542.557	3.285.674.747.152
410	Vốn chủ sở hữu		3.457.330.542.557	3.285.674.747.152
411	Vốn góp của chủ sở hữu	20	1.507.371.300.000	1.507.371.300.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.507.371.300.000	1.507.371.300.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	20	369.756.607.309	369.756.607.309
418	Quỹ đầu tư phát triển	21	206.077.621.278	206.077.621.278
419	Quỹ dự trữ bắt buộc	21	150.737.130.000	147.705.447.699
421	Lợi nhuận chưa phân phối	21	1.191.435.474.370	1.021.039.304.742
421a	- Lợi nhuận sau thuế lũy kế của các năm trước		825.016.470.707	700.769.765.222
421b	- Lợi nhuận sau thuế của năm nay		366.419.003.663	320.269.539.520
429	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		31.952.409.600	33.724.466.124
440	TỔNG NGUỒN VỐN		7.126.478.829.142	7.156.614.285.179



 Nguyễn Thành Công
 Người lập



 Lưu Thị Việt Hoa
 Kế toán trưởng



 Mai Xuân Dũng
 Tổng Giám đốc
 Ngày 20 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 66 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

Mẫu số B 01 – DNPNT/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(TIẾP THEO)

Mã số	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Đơn vị	Tại ngày	
			31/12/2022	31/12/2021
1	Ngoại tệ các loại			
	Đô la Mỹ	USD	2.068.564,40	461.003,78
	Đô la Úc	AUD	345,15	345,15
	Yên Nhật	JPY	43.775,00	43.775,00
	Đô la Singapore	SGD	1.119,87	2.974,87
	Bảng Anh	GBP	5.770,51	5.770,51
	Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	74,24	257.206,30



Nguyễn Thành Công
Người lập



Lưu Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng



Mai Xuân Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2023


BỘ TÀI CHÍNH

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 66 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

PHẦN I – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2022 VND	2021 VND
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm		1.514.308.357.861	1.605.861.780.616
11	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư		13.822.954.311	39.429.595.709
12	Doanh thu hoạt động tài chính	28	400.134.424.278	440.196.284.389
13	Thu nhập khác		985.724.488	627.774.476
20	Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(1.277.076.254.994)	(1.476.106.971.239)
21	Giá vốn bất động sản đầu tư		(9.492.836.244)	(33.250.635.479)
22	Chi phí hoạt động tài chính	29	(102.322.056.599)	(95.917.055.674)
23	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	(116.490.295.677)	(89.519.195.164)
24	Chi phí khác		(725.937.423)	(416.016.290)
25	Phần lợi nhuận thuần trong công ty liên kết	4(c)	39.783.389.736	32.381.023.580
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		462.927.469.737	423.286.584.924
51	Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	33	(84.333.563.188)	(77.181.859.898)
52	Thuế TNDN hoãn lại	33	(209.328.546)	950.952.995
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		378.384.578.003	347.055.678.021
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	2.451	2.235
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22	2.451	2.235



 Nguyễn Thành Công
 Người lập



 Lưu Thị Việt Hoa
 Kế toán trưởng



 Mai Xuân Dũng
 Tổng Giám đốc
 Ngày 20 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT THEO HOẠT ĐỘNG


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2022 VND	2021 VND
1	Doanh thu phí bảo hiểm	23	2.316.377.064.685	2.347.344.273.540
1.2	- Phí nhận tái bảo hiểm		2.368.870.128.678	2.246.160.196.791
1.3	- Tăng/(giảm) dự phòng phí chưa được hưởng của bảo hiểm gốc		52.493.063.993	(101.184.076.749)
2	Phí nhượng tái bảo hiểm	24	(1.035.745.910.966)	(962.796.018.762)
2.1	- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm		(1.094.025.626.781)	(973.383.862.953)
2.2	- Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		58.279.715.815	10.587.844.191
3	Doanh thu phí bảo hiểm thuần		1.280.631.153.719	1.384.548.254.778
4	Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		233.677.204.142	221.313.525.838
4.1	- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	16	214.834.397.860	205.117.518.035
4.2	- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	27(a)	18.842.806.282	16.196.007.803
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm		1.514.308.357.861	1.605.861.780.616
11	Chi bồi thường		(976.933.211.110)	(856.127.582.862)
11.1	- Tổng chi bồi thường		(976.933.211.110)	(856.127.582.862)
12	Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm		616.506.062.624	548.472.453.322
13	(Giảm)/tăng dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm		(169.200.647.067)	263.813.338.082
14	(Giảm)/tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm		(153.448.695.516)	180.782.500.303
15	Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm	25	(344.675.196.935)	(390.685.967.319)
16	Tăng dự phòng dao động lớn	19(b)	12.710.852.649	12.699.169.578
17	Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(919.690.205.410)	(1.072.721.834.342)
17.1	- Chi hoa hồng bảo hiểm	26	(892.989.696.846)	(1.049.234.929.108)
17.2	- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	27(b)	(26.700.508.564)	(23.486.905.234)
18	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(1.277.076.254.994)	(1.476.106.971.239)
19	Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm		237.232.102.867	129.754.809.377
20	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư		13.822.954.311	39.429.595.709
21	Giá vốn bất động sản đầu tư		(9.492.836.244)	(33.250.635.479)
22	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản		4.330.118.067	6.178.960.230

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 66 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT THEO HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2022 VND	2021 VND
23	Doanh thu hoạt động tài chính	28	400.134.424.278	440.196.284.389
24	Chi phí hoạt động tài chính	29	(102.322.056.599)	(95.917.055.674)
25	Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính		297.812.367.679	344.279.228.715
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	(116.490.295.677)	(89.519.195.164)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		422.884.292.936	390.693.803.158
31	Thu nhập khác		985.724.488	627.774.476
32	Chi phí khác		(725.937.423)	(416.016.290)
40	Lợi nhuận khác – số thuần		259.787.065	211.758.186
40.1	Phần lợi nhuận thuần trong công ty liên kết 4(c)		39.783.389.736	32.381.023.580
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		462.927.469.737	423.286.584.924
51	Thuế TNDN hiện hành	33	(84.333.563.188)	(77.181.859.898)
52	Thuế TNDN hoãn lại	33	(209.328.546)	950.952.995
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		378.384.578.003	347.055.678.021
61	Phân bổ cho Tổng Công ty		380.156.634.527	346.949.022.171
62	Cổ đông không kiểm soát		(1.772.056.524)	106.655.850
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		2.451	2.235
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu		2.451	2.235


 Nguyễn Thành Công
 Người lập


 Lưu Thị Việt Hoa
 Kế toán trưởng




Mai Xuân Dũng
 Tổng Giám đốc
 Ngày 20 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 66 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm	968.004.203.788	691.598.279.339
02	Tiền chi cho hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm	(770.423.212.950)	(588.112.339.933)
03	Tiền chi trả cho người lao động	(63.201.354.905)	(54.557.008.523)
05	Trả tiền nộp thuế TNDN	(73.516.269.944)	(76.260.850.384)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	14.590.712.543	48.752.021.602
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(38.451.453.822)	(61.474.076.965)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	37.002.624.710	(40.053.774.864)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(5.498.472.350)	(2.291.321.234)
23	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(1.927.548.482.791)	(1.468.609.200.000)
24	Tiền thu hồi từ bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	1.712.648.314.110	1.343.149.210.067
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	28.405.742.794	19.652.181.917
27	Tiền thu lãi đầu tư, cổ tức và lợi nhuận được chia	386.455.730.285	315.533.321.727
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	194.462.832.048	207.434.192.477
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Tiền cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(195.958.269.000)	(196.613.905.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(195.958.269.000)	(196.613.905.500)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	35.507.187.758	(29.233.487.887)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3	25.281.771.911
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	1.510.890.438	(908.814.012)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	62.299.850.107


Nguyễn Thành Công
Người lập


Lưu Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng


Mai Xuân Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 66 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

(Tài liệu phục vụ ĐHĐCĐ thường niên 2023 ngày 20/4/2023)

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2022

A/ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2022

- Kết quả hoạt động kinh doanh 2022 theo kế hoạch ĐHĐCĐ phê duyệt:

Đơn vị: Tỷ VNĐ

	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	So với 2021	So với KH 2022
Doanh thu phí nhận	2.246,1	2.211,3	2,368.8	+5,5%	+7,1%
- Các N.vụ TBH cốt lõi	1.728,5	1.901,3	1.971,3	+14,1%	+3,7%
- Nghiệp vụ TNCN (PA)	517,6	310,0	397,5	-23,2%	+28,2%
Lợi nhuận trước thuế	407,9	434,7	439,3	+7,7%	+1,1%
Lợi nhuận không bao gồm CLTG	408,8	434,7	437,7	+7,1%	+0,7%
Chênh lệch tỷ giá (CLTG)	(0,9)		1,6		
ROE	10,8%		11,1%		

Tổng công ty đã hoàn thành toàn diện và vượt mức kế hoạch kinh doanh 2022.

B/ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 2022

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã tiến hành 03 phiên họp thường kỳ; thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản (03 lần).

1. Các phiên họp Hội đồng quản trị trong năm 2022:

- ❖ **Phiên họp lần thứ nhất (Phiên họp HĐQT lần thứ 7, Nhiệm kỳ IV):** ngày 29/3/2022
 - Phê duyệt báo cáo tài chính năm 2021;
 - Phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 và trình ĐHĐCĐ thông qua;
 - Phê duyệt và trình ĐHĐCĐ thông qua thù lao của HĐQT, BKS, tổ thư ký HĐQT năm 2021;
 - Thông qua Báo cáo giao dịch với các bên liên quan 2021;

- Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021;
- Thông qua báo cáo kết quả thanh toán cổ phiếu Tiên Phong Bank trong năm 2021;
- Phê chuẩn kế hoạch kinh doanh năm 2022 và trình ĐHĐCĐ phê chuẩn;
- Báo cáo rà soát Kế hoạch kinh doanh 2020 - 2024;
- Ghi nhận Báo cáo của Ban Điều hành về tiến độ triển khai nâng cấp và chuyển đổi Hệ thống phần mềm quản lý nghiệp vụ Tái bảo hiểm;
- Ghi nhận kết quả Kiểm toán nội bộ năm 2021, thông qua kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2022;
- Nhất trí và trình ĐHĐCĐ thông qua đề xuất của Ban Kiểm soát về danh sách các công ty kiểm toán độc lập lựa chọn sử dụng kiểm toán năm 2022;
- HĐQT ủy quyền Chủ tịch HĐQT phê chuẩn các tài liệu trình ĐHĐCĐ thường niên 2022 và giải quyết các công việc phát sinh khác liên quan đến việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2022.

❖ **Phiên họp lần thứ hai (Phiên họp HĐQT lần thứ 8, Nhiệm kỳ IV):** ngày 29/8/2022

- Ghi nhận báo cáo hoạt động và kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2022 của Tổng công ty;
- Nhất trí việc bổ nhiệm lại ông Nguyễn Mạnh Linh giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc;
- Bầu bà Anna Lee On Wah giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam nhiệm kỳ 2020 - 2024;
- Thông qua danh sách quy hoạch nhân sự Ban Điều hành;
- Thống nhất với báo cáo về tiến độ triển khai Dự án phần mềm nghiệp vụ Tái bảo hiểm (ViCore);
- Thống nhất với báo cáo của bộ phận Kiểm toán nội bộ về tình hình thực hiện các khuyến nghị kiểm toán nội bộ;
- Thống nhất với báo cáo đánh giá tác động của Luật Kinh doanh Bảo hiểm đối với hoạt động của Tổng công ty, đề nghị Ủy ban Pháp chế tiếp tục phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch triển khai, báo cáo Hội đồng quản trị.

❖ **Phiên họp lần thứ ba (Phiên họp HĐQT lần thứ 9, Nhiệm kỳ IV):** ngày 24/11/2022

- Ghi nhận báo cáo hoạt động và kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2022 của Tổng công ty;
- Thông qua Kế hoạch phát triển bền vững của VINARE đến 2035;
- Thông qua các đề xuất của Tổng giám đốc liên quan đến chương trình tái bảo hiểm 2023.

2. Ngoài các cuộc họp, HĐQT đã lấy ý kiến bằng văn bản và ban hành những nghị quyết sau:

- **Quyết định số 02/2022/QĐ-HĐQT ngày 24/02/2022:** Phê duyệt thời gian, địa điểm và chương trình tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2022.

- **Quyết định số 09/2022/QĐ-HĐQT ngày 13/06/2022:** Lựa chọn công ty TNHH PWC Việt Nam là công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của VINARE.
- **Quyết định số 16/2022/QĐ-HĐQT ngày 24/10/2022:** Thông qua danh sách quy hoạch nhân sự Ban Điều hành.

C/ HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1. Hoạt động của thành viên độc lập HĐQT:

Tổng công ty có 01 thành viên độc lập HĐQT là ông Phạm Phan Dũng. Ông Phạm Phan Dũng là Trưởng Tiểu ban Thù lao và Lương thưởng, đồng thời tham gia Tiểu ban Nhân sự.

Trong năm 2022, ông Phạm Phan Dũng đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, tích cực tham gia ý kiến vào các nội dung thảo luận trong chương trình nghị sự các cuộc họp.

Với tư cách là thành viên Tiểu ban Nhân sự, ông Phạm Phan Dũng đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Tiểu ban Nhân sự với Ban Điều hành, Chi ủy về các nội dung: xây dựng quy hoạch nhân sự Ban Điều hành, bổ nhiệm lại và bổ nhiệm mới nhân sự giữ chức danh Phó Tổng giám đốc.

Ngoài ra, thành viên độc lập đã tích cực đóng góp ý kiến theo yêu cầu về các mặt hoạt động khác của Tổng công ty, bao gồm: hoạt động đầu tư, hoạt động liên quan đến triển khai xây dựng lại (nâng cấp và chuyển đổi) Hệ thống chương trình phần mềm quản lý nghiệp vụ Tái bảo hiểm – ViCore, hoạt động Kiểm toán nội bộ,...

2. Đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT:

- HĐQT VINARE đã chỉ đạo và giám sát Ban Điều hành hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh 2022 ĐHĐCĐ đã giao.
- HĐQT VINARE đã tổ chức họp định kỳ và lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản theo đúng quy định tại Điều lệ Tổ chức và Hoạt động, Quy chế Quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT.
- Các giao dịch với bên có liên quan đều được HĐQT phê duyệt về nguyên tắc trước khi thực hiện, và được báo cáo đầy đủ vào cuối năm tài chính, đồng thời thực hiện công bố thông tin đúng theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- Trong năm 2022, HĐQT đã thông qua kế hoạch và lộ trình thực hiện ESG, đảm bảo cho sự phát triển bền vững và lâu dài của VINARE đồng thời thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp với môi trường và xã hội.

D/ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 2022

1. Tiểu ban Chính sách phát triển:

- Chỉ đạo và giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh 2022 và kế hoạch 5 năm 2020 – 2024.

- Chỉ đạo rà soát các mục tiêu tăng trưởng 2022-2024

2. Tiểu ban Nhân sự:

- Bầu nhân sự giữ chức danh Phó Chủ tịch HĐQT
- Xây dựng quy hoạch nhân sự Ban Điều hành.
- Tiến hành quy trình bổ nhiệm lại một nhân sự Phó Tổng giám đốc và bổ nhiệm mới một nhân sự Phó Tổng giám đốc.

3. Tiểu ban Thù lao & Lương thưởng:

- Duy trì chính sách lương thưởng đã áp dụng trong năm 2021;

E/ THÙ LAO CỦA HĐQT 2022

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 06/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2013, thù lao của HĐQT (bao gồm cả thù lao thành viên HĐQT chuyên trách), BKS, tổ thư ký giúp việc tối đa là 3,85 tỷ VND/năm.

- Việc xác định mức thù lao của từng thành viên được thực hiện theo Nghị quyết số 11/2015/NQ-HĐQT ngày 21/8/2015.
- Thù lao của Chủ tịch HĐQT chuyên trách thực hiện theo Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐQT ngày 25/2/2021.

Chi tiết thù lao của từng thành viên HĐQT đã được chi trả trong năm 2022 (trước khi nộp thuế TNCN) như sau:

TT	Thành viên HĐQT	Thù lao 2022 trước thuế (VND)
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn – Chủ tịch HĐQT chuyên trách, Trưởng Tiểu ban Chính sách phát triển và Trưởng Tiểu ban Nhân sự	Không hưởng thù lao
2	Ông Nguyễn Xuân Việt – Phó Chủ tịch HĐQT	216.000.000
3	Bà Lee On Wah Anna (<i>thành viên HĐQT từ 22/4/2022, bầu Phó Chủ tịch từ 29/8/2022</i>)	136.843.646
4	Ông Mai Xuân Dũng – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	180.000.000
5	Ông Đào Nam Hải – Thành viên (<i>miễn nhiệm từ 22/4/2022</i>)	45.000.000
6	Ông Nguyễn Đình An – Thành viên	180.000.000
7	Ông Vũ Anh Tuấn – Thành viên	180.000.000

8	Bà Nguyễn Thị Hương Giang (<i>thành viên HĐQT từ 22/4/2022</i>)	124.615.385
9	Ông Phạm Phan Dũng – Thành viên, Trưởng Tiểu ban Thù lao & Lương Thưởng	240.000.000
10	Ông Jared Orchard (<i>miễn nhiệm từ 22/4/2022</i>)	62.307.692
11	Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương – Thành viên	180.000.000
	Tổng	<u>1.544.766.723</u>

E/ KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

- Mọi vấn đề ra quyết định của HĐQT đều được thảo luận, thông báo đầy đủ, kịp thời, đúng qui định với Ban Điều hành.
- Ban Điều hành đã nghiêm túc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT.
- Ban Điều hành tham dự đầy đủ và tích cực tham gia ý kiến tại các cuộc họp HĐQT.
- Các đề xuất của Ban Điều hành đối với HĐQT đều được nghiên cứu, thảo luận và có ý kiến chỉ đạo kịp thời.
- Tổng giám đốc đã chỉ đạo Tổng công ty và các cán bộ quản lý khác chấp hành đầy đủ, kịp thời các quyết định của HĐQT, Chủ tịch HĐQT chuyên trách, ĐHĐCĐ và các qui định của Nhà nước, Điều lệ Công ty niêm yết và các qui định nội bộ của Tổng Công ty.

F/ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG VỚI BAN KIỂM SOÁT VÀ CHỈ ĐẠO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

- Hội đồng quản trị đã phối hợp chặt chẽ, kịp thời, thường xuyên với Ban Kiểm soát và chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT đối với Tổng Công ty.
- Thực hiện Nghị quyết của HĐQT, Chủ tịch HĐQT chuyên trách đã sâu sát trong công tác chỉ đạo, điều hành, đảm bảo sự ổn định và phát triển của VINARE, chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện có kết quả một số công việc trọng tâm:

(1) chú trọng kết nối, hợp tác trên nguyên tắc cùng có lợi với các doanh nghiệp bảo hiểm gốc, tái bảo hiểm để tăng cường khai thác, tối ưu hóa năng lực nhận tái bảo hiểm, tập trung vào các nghiệp vụ cốt lõi, mục tiêu tăng trưởng bền vững, hiệu quả;

(2) phối hợp với các đối tác trong và ngoài nước để triển khai các MoU đã ký như Swiss Re, ABIC, Thai Re,..., phát triển có kết quả sản phẩm mới, một số sản phẩm đã kịp thời thông tin cho đối tác tại mùa tái tục 01/01/2023, tạo tiền đề đóng góp vào doanh thu trước mắt và lâu dài;

- (3) tăng cường kết nối với thị trường, tiếp tục nâng cao vị thế của VINARE trong nước và khu vực: tổ chức thành công Hội nghị Tái bảo hiểm lần thứ 8 với sự tham gia đông đảo của các doanh nghiệp trong nước và quốc tế; phát hành định kỳ Bản tin Bảo hiểm – Tái Bảo hiểm song ngữ Anh – Việt; tổ chức khóa đào tạo cho các đối tác là doanh nghiệp bảo hiểm gốc tại nước ngoài;
- (4) triển khai công tác đầu tư vào tài sản đảm bảo an toàn, hiệu quả trong bối cảnh lãi suất tiền gửi biến động, duy trì và nâng cao hiệu quả đầu tư; tiếp tục chú trọng công tác giám sát, xử lý phát sinh, nâng cao hiệu quả quản lý các khoản đầu tư tại các doanh nghiệp mà VINARE góp vốn;
- (5) tiếp tục duy trì và tăng cường năng lực tài chính; thực hiện chương trình kiểm toán nội bộ theo kế hoạch; chú trọng đến việc kiểm soát tuân thủ và quản lý rủi ro thông qua cập nhật khung quản trị rủi ro ERM, rà soát, tư vấn pháp lý đối với các vấn đề phát sinh; hoàn thành quyết toán thuế 3 năm 2019-2021 với Thanh tra Cục Thuế Hà Nội;
- (6) tiếp tục hoàn thiện thể chế, quy trình, quy chế (quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại; phát sinh chứng từ nghiệp vụ và đối chiếu số dư công nợ; Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp; quản lý, sử dụng chữ ký số;...); kiện toàn nhân sự các cấp đáp ứng nhu cầu công việc;
- (7) chỉ đạo hoàn thành lộ trình phát triển bền vững ESG được HĐQT phê duyệt, kịp thời trao đổi với các đối tác nước ngoài tại mùa tái tục 01/01/2023;
- (8) chỉnh trang cơ sở vật chất, trang thiết bị đầy đủ, hạ tầng công nghệ thông tin phù hợp với nhu cầu công việc; triển khai các công việc PCCC theo yêu cầu.
- Mọi vấn đề ra quyết định của HĐQT đều được thảo luận, thông báo đầy đủ, kịp thời, đúng qui định với Ban Kiểm soát và Ban Điều hành.
 - Mọi cuộc họp HĐQT đều có sự tham dự và tham gia ý kiến của Ban Điều hành và Ban Kiểm soát.
 - Các đề xuất/ý kiến của Ban Điều hành, Ban Kiểm soát liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty đều được HĐQT nghiên cứu, thảo luận và có ý kiến chỉ đạo kịp thời.
 - Tổng Công ty chấp hành đầy đủ, kịp thời các quyết định của HĐQT, ĐHĐCĐ và các qui định của Nhà nước, Điều lệ công ty niêm yết.

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2023

HĐQT thông qua và chỉ đạo Tổng công ty thực hiện kế hoạch kinh doanh và các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2023 như sau:

A/ Kế hoạch kinh doanh 2023:

❖ Kế hoạch kinh doanh chung:

Đơn vị: Tr. VND

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2022
----------	---------------	----------------

Doanh thu phí nhận bảo hiểm	2.468.000	2.368.870
Trong đó:		
- Doanh thu phí nhận từ các nghiệp vụ cốt lõi	2.168.000	1.971.335
Lợi nhuận trước thuế	460.000	437.678
Tỷ lệ cổ tức dự kiến	<i>12% (dự kiến theo kế hoạch ĐHCĐ nhiệm kỳ)</i>	10% bằng tiền 10% bằng cổ phiếu

❖ **Kế hoạch phân bổ tài sản đầu tư:**

Đơn vị: Tr. VNĐ

TT	Danh mục đầu tư	KH2023	TH2022	Tăng/ giảm trong năm	Tỷ trọng (31/12/2023)
1	Tiền gửi ngân hàng	2.690.000	2.765.300	-75.300	59,8%
2	Trái phiếu	850.000	680.000	170.000	18,9%
3	Góp vốn cổ phần	525.000	494.296	30.704	11,7%
4	Chứng khoán, chứng chỉ quỹ và ủy thác đầu tư	365.000	315.000	50.000	8,1%
5	Văn phòng cho thuê	5.000	4.591	409	0,1%
6	Bất động sản	11.206	11.206	0	0,2%
7	Tiền tài khoản thanh toán	53.794	51.000	2.794	1,2%
	Tổng	4.500.000	4.321.393	178.607	100,0%

B/ Nhiệm vụ trọng tâm 2023 (phân công cụ thể từng thành viên theo lĩnh vực):

- Hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh 2023.
- Về hoạt động nghiệp vụ tái bảo hiểm:
 - Tiếp tục duy trì, tăng cường quan hệ đối tác với các doanh nghiệp bảo hiểm, tái bảo hiểm, môi giới bảo hiểm trong nước và quốc tế.
 - Phát triển, đẩy mạnh các nghiên cứu/đề xuất để triển khai có kết quả về sản phẩm, dịch vụ mới với các doanh nghiệp bảo hiểm gốc, tái bảo hiểm quốc tế;
 - Tăng cường kết nối với các doanh nghiệp có nhu cầu mua bảo hiểm để chủ động nắm bắt nhu cầu phù hợp, tăng khả năng cung cấp năng lực tái bảo hiểm của VINARE;
 - Đẩy mạnh quan hệ với các nhà môi giới bảo hiểm lớn để tìm kiếm các cơ hội trên thị trường;

- Quan tâm đến thị trường quốc tế, xem xét khả năng nhận các hợp đồng nước ngoài;
 - Tiếp tục tăng cường hợp tác với các nhà tái bảo hiểm quốc tế, truyền thống
3. Về hoạt động đầu tư: tiếp tục nâng cao năng lực đầu tư, tìm kiếm cơ hội đầu tư, phân bổ tài sản đầu tư an toàn – quả, giám sát chặt chẽ các danh mục, thực hiện đánh giá định kỳ;
 4. Tăng cường hoạt động của Kiểm toán nội bộ, kiểm soát tuân thủ, quản lý rủi ro (rủi ro nội bộ & dân cung cấp giá trị gia tăng về quản lý rủi ro cho thị trường);
 5. Tiếp tục hoàn thiện các chính sách phát triển nguồn lực, đào tạo cho cán bộ của VINARE và các đối tác;
 6. Nâng cao năng lực IT: đưa vào vận hành hệ thống phần mềm quản lý nghiệp vụ tái bảo hiểm – ViCore; hệ thống quản lý văn bản điện tử; hoàn thiện chương trình phần mềm kế toán mới; tiếp tục hoàn thiện và nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, an ninh, bảo mật.
 7. Xếp hạng tín nhiệm và phát triển thương hiệu:
 - Duy trì/xây dựng lộ trình để nâng xếp hạng tín nhiệm.
 - Tiếp tục tăng cường kết nối với thị trường.
 - Thực hiện lộ trình phát triển bền vững ESG.
 8. Quản trị doanh nghiệp, quản trị nội bộ:
 - Tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả quản trị doanh nghiệp, tuân thủ quy định pháp luật và áp dụng các tiêu chuẩn quản trị theo thông lệ quốc tế phù hợp.
 - Tập trung quản trị chi phí theo hướng hiệu quả.
 - Tổ chức lại hệ thống lưu trữ văn bản.
 - Chính trang cơ sở vật chất, trụ sở, phương tiện làm việc.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VINARE



Nguyễn Anh Tuấn

Số: 01/2023/VNR-BKS

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2023.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2023

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam
Hội đồng Quản trị Tổng công ty cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam**

Căn cứ:

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam (VNR);
- Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 trong nhiệm kỳ 2020-2024 của VNR;
- Quy chế hoạt động và chương trình làm việc của Ban kiểm soát;

Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động của VNR như sau:

A. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã thực hiện xem xét và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính năm 2021, tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 và các cuộc họp HĐQT trong năm.

Trong kỳ, Ban kiểm soát đã tổ chức chuyên đề làm việc với Chủ tịch HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các Ban chuyên môn của Tổng Công ty và đưa ra một số khuyến nghị cụ thể đối với từng bộ phận.

Ngoài ra, thực hiện nhiệm vụ và chức năng của Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát thường xuyên giám sát các hoạt động kinh doanh, công tác quản trị và điều hành của VNR theo các mảng nghiệp vụ được phân công trong Ban kiểm soát.

B. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022

I. Thẩm tra báo cáo tài chính năm 2022

- Báo cáo tài chính năm 2022 do Chi nhánh Công ty TNHH PwC Việt Nam kiểm toán gồm 02 phần: Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đánh giá, các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của VNR.

- VNR đã thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý tài chính của Nhà nước, các quy trình và quy chế nội bộ.

1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch do ĐHĐCĐ giao

Hoạt động kinh doanh của VNR năm 2022 đã đạt được các kết quả đáng ghi nhận, cụ thể như sau:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao theo Nghị quyết số 07/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2022 như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	Thực hiện 2021	So sánh 2022/2021	Kế hoạch 2022	So sánh TH/ KH 2022
Doanh thu phí nhận	2.368.870	2.246.160	105,5%	2.211.345	107,1%
Phí giữ lại	1.274.845	1.272.776	100,2%	1.158.300	110,1%
Lợi nhuận trước thuế	439.371	407.914	107,7%	434.700	101,1%
- <i>Chênh lệch tỷ giá</i>	1.618	(907)	-	<i>Không xác định</i>	-
- <i>Lợi nhuận không bao gồm CLTG</i>	437.753	408.821	107,1%	434.700	100,7%

Tất cả các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận đều vượt mức ĐHĐCĐ giao.

2. Một số chỉ tiêu của hoạt động kinh doanh chính

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2021	% thay đổi
1	Tổng tài sản	6.861.671	6.915.255	99,2%
2	Vốn chủ sở hữu	3.212.138	3.064.039	104,8%
3	Dự phòng nghiệp vụ (theo TNGL)	1.497.060	1.519.691	98,5%
3.1	Dự phòng phí	608.882	614.668	99,1%
3.2	Dự phòng bồi thường	690.703	720.259	95,9%
3.3	Dự phòng dao động lớn	197.475	184.764	106,9%
4	Doanh thu			
4.1	Doanh thu phí nhận tái	2.368.870	2.246.160	105,5%
4.2	Doanh thu thuần hoạt động KDBH	1.514.308	1.605.862	94,3%
4.3	Doanh thu tài chính, BĐS đầu tư	417.924	462.105	90,4%
4.4	Thu khác	986	628	157,0%
5	Chi phí			
5.1	Chi bồi thường	976.933	856.128	114,1%
	Trong đó: Chi bồi thường thuộc TNGL	344.675	390.686	88,2%
5.2	Chi phí quản lý và chi khác hoạt động KDBH	1.042.902	1.174.940	88,8%
5.3	Chi phí tài chính	105.544	94.638	111,5%
5.4	Chi phí khác	726	416	174,5%

6	Lợi nhuận			
6.1	Lợi nhuận gộp từ KDBH	237.232	129.755	182,8%
6.2	Lợi nhuận gộp từ hoạt động tài chính	312.380	367.466	85,0%
6.3	Lợi nhuận từ hoạt động khác	260	212	122,7%
6.4	Lợi nhuận trước thuế	439.371	407.914	107,7%
6.5	Lợi nhuận sau thuế	354.828	331.683	107,0%

Nguồn: BCTC riêng lẻ đã kiểm toán của VNR

- Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2022 giảm nhẹ 0,77% trong khi vốn chủ sở hữu tăng 4,83% so với 31/12/2021.

- Chỉ tiêu doanh thu phí nhận tái bảo hiểm tăng 5,46% so với năm 2021, doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm giảm 5,7%, doanh thu hoạt động tài chính và bất động sản đầu tư giảm tương đối lớn 9,56% so với năm 2021.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 21 tỷ đồng tương đương 23,46%.

- Chi phí tài chính tăng 11,52% so với 2021 tương ứng số tiền 10,9 tỷ đồng.

- Lợi nhuận gộp từ kinh doanh bảo hiểm đạt 237,2 tỷ đồng tăng mạnh 82,8% so với năm 2021;

- Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tài chính giảm gần 15% so với cùng kỳ 2021.

- Lợi nhuận trước thuế và Lợi nhuận sau thuế đều tăng khoảng 7% so với 2021.

2.1. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm và quản lý chi phí

Năm 2022, doanh thu phí đạt 2.368,9 tỷ VND, tăng 5,5% so với 2021, và vượt 7,1% so với kế hoạch. Trong đó, doanh thu phí các nghiệp vụ TBH cốt lõi đạt 1.971,3 tỷ VND, tăng 14,1% so với cùng kỳ năm trước, đạt 103,7% KH cả năm, doanh thu phí nghiệp vụ PA đạt 397,5 tỷ VND, bằng 76,8% so với cùng kỳ năm trước, vượt 28,2% KH cả năm. Kết quả đạt được nêu trên do một số nguyên nhân chủ yếu như sau:

- Doanh thu phí nghiệp vụ Tài sản tăng 13,9%, vượt nhẹ KH năm, nhờ thị trường duy trì tốc độ tăng trưởng tốt (15,1%) và tác động tích cực từ Nghị định 97, tỷ lệ phí của một số nhóm ngành tăng.

- Doanh thu phí nghiệp vụ Kỹ thuật tăng 11,9% so với năm trước, đạt 107,1% KH năm; nguyên nhân do thị trường chung tăng trưởng khoảng 8,6%, đặc biệt là sự gia tăng các dự án năng lượng tái tạo.

- Doanh thu phí nghiệp vụ Hàng hóa tăng 13,1%, đạt 105,3% KH do giá một số mặt hàng nhập khẩu chủ lực như xăng dầu, sắt thép, vật liệu xây dựng, ... giữ ở mức cao; tăng cường khai thác dịch vụ tạm thời.

- Doanh thu phí nghiệp vụ P&I tăng 18,3%, đạt 104,9% KH, chủ yếu do phí gọi thêm của LSSO và dịch chuyên tàu tham gia BH giữa các công ty BH trong nước.

- Doanh thu phí nghiệp vụ Nông nghiệp tăng hơn 4 lần so với năm trước, đạt 169,2% KH, chủ yếu nhờ hợp đồng nước ngoài.

- Các nghiệp vụ như Hồn hợp, Hàng không tăng trưởng nhẹ, riêng BH Xe cơ giới tiếp tục tăng trưởng tốt nhưng quy mô nhỏ do thận trọng.

- Nghiệp vụ Thân tàu giảm 7,4%, đạt 107% KH, do các DNBH kiểm soát chặt hơn việc khai thác; VINARE hạn chế nhận/hỗ trợ hợp đồng tạm thời do tổn thất xấu (loss ratio 2022 116%).

- Nghiệp vụ PA: giảm 23,2% so với cùng kỳ năm trước theo kế hoạch cắt giảm từ đầu năm, so với chỉ tiêu kế hoạch, nghiệp vụ vẫn hoàn thành vượt kế hoạch 28.2%.

2.2. Hiệu quả kinh doanh theo nghiệp vụ và bồi thường

Lợi nhuận gộp kinh doanh nghiệp vụ đạt 237,2 tỷ đồng, tăng mạnh 82,8% so với cùng kỳ 2021.

Bồi thường thuộc TNGL giảm 11,8% so với cùng kỳ năm trước (tương đương 46 tỷ đồng), do nguyên nhân:

- Thu chi bồi thường tăng cao so với năm trước do đã thực hiện chi trả nhiều khoản bồi thường lớn của các nghiệp vụ như Tài sản, P&I.

- Dự phòng bồi thường hoàn nhập 15,7 tỷ.

- Nghiệp vụ Tài sản ghi nhận 2 tổn thất lớn trên 10 triệu USD và 2 tổn thất lớn từ hợp đồng nước ngoài. Tuy nhiên, trách nhiệm bồi thường giữ lại của VINARE giảm nhiều so với 2021 (giảm 61 tỷ VND).

- Nghiệp vụ Kỹ thuật ghi nhận một số tổn thất của các nhà máy điện gió, điện mặt trời, tuy nhiên đa số tổn thất không lớn.

- Nghiệp vụ Hàng hóa đã xảy ra 2 tổn thất lớn trên 1 triệu USD trong năm 2022 và 1 tổn thất trên 3 triệu USD từ năm 2021 nhưng đến 2022 mới thông báo (lô hàng linh kiện của Hyundai Shipping).

- Nghiệp vụ Thân tàu chỉ có 1 tổn thất trên 1 triệu USD. Một số tổn thất xảy ra từ các năm trước nhưng mới được cập nhật số liệu dự phòng do tranh chấp pháp lý.

2.3. Tình hình công nợ kinh doanh Tái bảo hiểm

Tình hình công nợ kinh doanh Tái bảo hiểm tại 31/12/2022 như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2021	Tăng/Giảm
1	Công nợ phải thu	269.996	254.979	6%
2	Công nợ phải trả	160.057	182.472	-12%
3	Net công nợ phải thu	109.940	72.506	52%

Đánh giá tình hình công nợ 2022:

- Tổng công nợ phải thu tăng 37,4 tỷ đồng tương ứng mức tăng 52% so với cùng thời điểm năm trước, công nợ phải trả giảm 22 tỷ đồng tương ứng mức giảm 12% so với cùng kỳ. Trong năm, Tổng Công ty thực hiện trích lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi thêm 7,45 tỷ VND: bổ sung một số khách hàng XTI, Fubon, UIB và các khách hàng có dư nợ tuổi

cao Sogaz, Willis và VASS do dịch chuyển tuổi nợ; dự phòng dư nợ phải thu tại dự án 360 Giải Phóng (1,5 tỷ).

2.4. Hoạt động đầu tư tài chính

- Cơ cấu danh mục đầu tư:

Đến 31/12/2022, tổng giá trị danh mục đầu tư của VNR là 4,321.4 tỷ đồng, tăng 190,8 tỷ đồng so với 01/01/2022, tương đương 4,6%. Cơ cấu danh mục đầu tư được dịch chuyển theo hướng giảm tỷ trọng tiền gửi ngân hàng, góp vốn vào doanh nghiệp, đồng thời tăng tỷ trọng đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ quỹ và ủy thác đầu tư.

(Đơn vị: triệu đồng)

STT	Danh mục đầu tư	Giá trị tài sản đầu tư 31/12/2022	Giá trị tài sản đầu tư 01/01/2022	+/- so với đầu năm	Tỷ trọng
1	Tiền gửi	2.765.300	2.740.500	24.800	64,00%
2	Trái phiếu	680.000	559.490	120.510	15,70%
3	Góp vốn DN khác	494.296	522.701	-28.406	11,4%
4	Ủy thác đầu tư, CCQ	315.000	265.000	50.000	7,30%
5	Văn phòng cho thuê	4.591	6.410	-1.819	0,10%
6	Đầu tư BĐS	11.206	11.206	-	0,30%
7	Tiền trên TK thanh toán	51.000	25.282	25.718	1,20%
	Tổng cộng	4.321.393	4.130.589	190.804	100,00%

- Hiệu quả hoạt động đầu tư tài chính:

Doanh thu hoạt động đầu tư tài chính năm 2022 là 418,9 tỷ đồng, giảm 43,8 tỷ đồng so với năm 2021, tương ứng với mức giảm 9,5%; Lợi nhuận đầu tư đạt 312,6 tỷ đồng, bằng 76,4% kế hoạch, giảm 15% so với năm trước, nguyên nhân chủ yếu do:

+ Thu nhập từ danh mục đầu tư trái phiếu tăng 68,6% nhờ tăng phân bổ tài sản và lãi suất tăng.

+ Thu nhập từ danh mục tiền gửi giảm 16,4% do mặt bằng lãi suất giảm

+ Thu nhập từ cổ tức của danh mục đầu tư góp vốn giảm 59,7% do nhiều DN không chia cổ tức, có DN chia cổ tức bằng cổ phiếu.

+ Lợi nhuận từ danh mục UTĐT & CCQ giảm mạnh, chỉ bằng 2,5% của năm 2021 do thị trường CK giảm mạnh, phải trích lập dự phòng.

+ Do tình hình thị trường không thuận lợi, việc bán cổ phiếu TPB chưa đạt kế hoạch đề ra đầu năm, tuy nhiên, lợi nhuận thu được do bán TPB năm 2022 tăng 32,6% so với 2021.

- **Riêng đối với khoản đầu tư tại VNR Invest cũng như các khoản đầu tư hợp tác dự án bất động sản giữa VNR và VNR Invest:** Trong năm 2022, VNR Invest đã ghi nhận doanh thu chuyển nhượng 02 căn hộ của dự án HN Paragon, cụ thể tiến độ các dự án như sau:

+ Dự án Constrexim Complex: Trong năm 2022 Công ty Cổ phần Đầu tư Việt San đã thanh toán 200 triệu đồng và đề nghị VNR Invest thương lượng hòa giải theo các thủ tục hòa giải tại Tòa án nhân dân Cầu Giấy. Hiện Vinare Invest đang trình phê chuẩn phương án hòa giải theo nguyên tắc bảo đảm thu đủ vốn gốc và xử lý dứt điểm công nợ tồn đọng.

+ Dự án Paragon Tower: Trong năm 2022 đã bán 02 căn hộ còn lại và thu hồi được 300 triệu đồng công nợ với Công ty VT. Ban lãnh đạo VNR Invest tiếp tục đề nghị cơ quan thi hành án có các biện pháp tạo sức ép để Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại VT sớm trả nợ cho VNR Invest.

+ Dự án 360 Giải Phóng: Đến thời điểm hiện tại, chủ đầu tư dự án chưa tái khởi động thi công phần còn lại của dự án do vướng mắc về thủ tục pháp lý với cơ quan nhà nước cũng như nợ vốn vay giải ngân của ngân hàng, thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này.

+ Dự án 142 Định Công: Dự án vẫn phải chờ các cơ quan chức năng của Hà Nội có hướng dẫn cụ thể để tiếp tục hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án. VNR Invest cũng đang rà soát lại nội dung hợp đồng hợp tác với Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt để có đánh giá lại về khả năng tiếp tục đầu tư hoặc chấm dứt đầu tư và thu hồi vốn.

II. Công tác chỉ đạo điều hành của HĐQT và Ban điều hành

1. Công tác quản trị, điều hành doanh nghiệp

VNR chấp hành nghiêm túc, đầy đủ các quy định của Nhà nước và các quy chế quản trị nội bộ, đảm bảo hoạt động ổn định của Tổng Công ty.

2. Phối hợp giữa HĐQT, Ban điều hành, các Phòng và Ban Kiểm soát

HĐQT, Ban điều hành và các đơn vị của VNR đều tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình thực hiện các chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát, thực hiện giải trình cung cấp số liệu, tài liệu cho Ban Kiểm soát kịp thời, đầy đủ theo yêu cầu.

3. Các mặt hoạt động khác

Thống nhất với báo cáo của Ban điều hành

III. Đánh giá kết quả

Căn cứ kết quả thẩm định trên báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh năm 2022. Ban kiểm soát đánh giá như sau:

- Về hoạt động kinh doanh

Hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2022 do ĐHCĐ giao.

Thực hiện nghiêm túc các quy định liên quan đến công tác tài chính.

- Về quản trị điều hành

Hội đồng quản trị và Ban điều hành sát sao, quan điểm minh bạch rõ ràng.

Các vấn đề Hội đồng Quản trị ra quyết định đều được thảo luận và thông báo đầy đủ tới ban điều hành và Ban kiểm soát.

Ban điều hành chấp hành nghiêm túc các Nghị quyết, chỉ đạo từ HĐQT.

C. KHUYẾN NGHỊ

- Tăng cường khai thác doanh thu nhận tái trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc kiểm soát chặt chẽ rủi ro và tuân thủ kỷ luật khai thác nhằm tăng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm.
- Tăng cường hoạt động kiểm soát rủi ro đầu tư, thực hiện phân bổ tài sản đầu tư phù hợp để nâng cao hiệu quả đầu tư cũng như đảm bảo an toàn vốn.
- Cân nhắc phân cấp, ủy quyền cho cấp ban đối với một số hợp đồng cố định nhằm giảm áp lực công việc cho Tổng Giám đốc, đặc biệt vào kỳ tái tục cao điểm.
- Cân nhắc bổ sung thêm thành viên độc lập từ các phòng ban khác cho kiểm toán nội bộ đảm bảo phạm vi xem xét được rộng hơn trong quá trình kiểm toán.
- Cân nhắc việc nâng cấp khung quản trị rủi ro phù hợp với quy mô và điểm mạnh hiện tại của VINARE do VINARE đang tăng trưởng ở mức độ lớn hơn.
- Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin trong vận hành và quản lý doanh nghiệp.
- Rà soát chặt chẽ và tích cực thu đòi công nợ tái bảo hiểm.
- Tiếp tục tăng cường chỉ đạo thu hồi công nợ, đẩy nhanh tiến độ triển khai đối với các dự án bất động sản của VNR Invest, kịp thời ghi nhận doanh thu tại các dự án khi có đủ điều kiện ghi nhận theo quy định.
- Cuối năm tài chính, VNR và VNR Invest đánh giá khả năng thu hồi công nợ và trích lập dự phòng (nếu có).

Trên đây là toàn bộ báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt nam trong năm 2022.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Trưởng Ban



Trần Trung Tính

V/v: Đề xuất và xin ý kiến lựa chọn công
ty kiểm toán độc lập năm 2023

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia VN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Trên cơ sở danh sách các công ty kiểm toán độc lập đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán đối với các công ty niêm yết;

Ban Kiểm soát đề xuất Đại hội đồng cổ đông VINARE lựa chọn danh sách công ty kiểm toán độc lập năm 2023 như sau:

1. Công ty KPMG Việt nam
2. Công ty Deloitte Việt Nam
3. Công ty Ernst & Young Việt Nam
4. Công ty Pricewaterhouse Coopers Việt Nam

Ban Kiểm soát đề nghị Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị VINARE - căn cứ vào chất lượng dịch vụ và mức phí kiểm toán (cụ thể do mỗi công ty kiểm toán đưa ra) - tiến hành lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán nêu trên để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Trần Trung Tính

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

THÔNG BÁO

*Đề cử, tự ứng cử vào chức danh thành viên Hội đồng Quản trị,
Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2024*

Kính gửi: Quý vị cổ đông Tổng Công ty CP Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Kinh doanh Bảo hiểm số 08/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 16/06/2022;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Thông tư 116/2020/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động hiện hành của VINARE;

Hội đồng quản trị VINARE xin trân trọng thông báo về việc tự ứng cử, đề cử chức danh thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2020-2024 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 như sau:

1. Điều kiện đề cử, tự ứng cử chức danh thành viên HĐQT, BKS:

Cổ đông đề cử hoặc tự ứng cử vào chức danh thành viên HĐQT, BKS phải thỏa mãn các quy định của pháp luật, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động, Quy chế Quản trị công ty hiện hành của VINARE.

Các quy định liên quan gồm có:

- Quy định tại Điều 155 và 169 Luật Doanh nghiệp 2020;
- Quy định tại Điều 81 và 82 Luật Kinh doanh Bảo hiểm 2022;
- Quy định tại Điều 275 và 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP;
- Quy định tại Điều 28, 40 và 41 Điều lệ Tổ chức & Hoạt động hiện hành của VINARE.

2. Hồ sơ đề cử, tự ứng cử:

- Đơn đề cử, tự ứng cử vào chức danh thành viên HĐQT, BKS.¹
- Sơ yếu lý lịch, Bảng kê khai người có liên quan, Công khai lợi ích có liên quan.
- Bản sao hợp lệ các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp với yêu cầu các chức danh.
- Văn bản tài liệu khác chứng minh cổ đông, nhóm cổ đông đáp ứng được các điều kiện đề cử, tự ứng cử làm thành viên HĐQT, BKS theo quy định của Điều lệ VINARE và các quy định liên quan của pháp luật hiện hành.
- Ứng viên HĐQT, BKS có cam kết bằng văn bản và chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Đại hội đồng cổ đông VINARE về tính trung thực, chính xác, hợp lý của nội dung Hồ sơ đề cử, tự ứng cử trên.

¹ Quý cổ đông có thể truy cập, tải các mẫu biểu đề cử, tự ứng cử tại website: www.vinare.com.vn.

3. Địa chỉ và thời gian nhận hồ sơ:

- Địa chỉ nhận hồ sơ: Thư ký HĐQT - Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam - Tầng 7, 141 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Thời gian nhận hồ sơ: cổ đông gửi hồ sơ trực tiếp cho Ban tổ chức Đại hội trước ngày 10/04/2023 (10 ngày trước ngày khai mạc Đại hội²).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ĐT, Thư ký HĐQT

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Tuấn

² Thực hiện theo quy định tại Điều 274 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động hiện hành của VINARE.

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM



Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY CP TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 và các quy định có liên quan;

Căn cứ Điều lệ hoạt động và tổ chức hiện hành của Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam;

Tôi tên là: **Trần Trung Tính**

Số CCCD: 001074003940 Ngày cấp: 04/03/2015 Nơi cấp: Cục trưởng CCS ĐKQL
CT & DLQG về dân cư

Hiện đang là **Trưởng Ban Kiểm soát Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (VINARE)** nhiệm kỳ 2020-2024.

Theo sự phân công nhiệm vụ của Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV, tôi không thể tiếp tục đảm nhiệm chức vụ là Trưởng Ban Kiểm soát VINARE.

Tôi làm đơn này kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị VINARE chấp thuận cho tôi được từ nhiệm chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát VINARE kể từ ngày 24 tháng 03 năm 2023.

Kính mong Đại hội đồng cổ đông VINARE chấp thuận đơn xin từ nhiệm của tôi.

Tôi xin chân thành cảm ơn.

Trân trọng./.

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2023.

Người làm đơn

Trần Trung Tính

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị

Tổng Công ty CP Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (Vinare)

Tôi tên là : **VŨ ANH TUẤN**

Hiện đang là thành viên HĐQT: Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (Vinare), nhiệm kỳ : 2020 -2024

Nay vì lý do bận công việc cá nhân không sắp xếp được thời gian để có thể tiếp tục đảm nhận nhiệm vụ này.

Tôi làm đơn này kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Vinare chấp thuận cho tôi được miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT của Vinare kể từ ngày 28/03/2023.

Tôi xin chân thành cảm ơn.

Trân trọng./.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Người làm đơn



VŨ ANH TUẤN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----***-----

ĐƠN ĐỀ CỬ, TỰ ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM
NHIỆM KỲ 2020-2024

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Kinh doanh Bảo hiểm số 08/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 16/06/2022;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Thông tư 116/2020/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức & hoạt động hiện hành của VINARE;

Tôi/Chúng tôi gồm:

TT	Tên cổ đông	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/GPĐKKD, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Số cổ phần VNR sở hữu	Xác nhận (Ký và ghi rõ họ tên) ^(*)

xin đề cử ứng viên dưới đây để ĐHĐCĐ thường niên 2023 bầu vào chức danh thành viên Hội đồng Quản trị/Ban Kiểm soát của Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam nhiệm kỳ 2020-2024 (có kèm sơ yếu lý lịch, bản sao hợp lệ các giấy tờ tùy thân và các giấy tờ liên quan khác):

TT	Họ tên người được đề cử	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Chức danh đề cử
1			

....., ngày tháng năm 2023.
(Các) Cổ đông
(Ký và ghi rõ họ tên)^(*)

* Nếu cổ đông là pháp nhân thì phải có chữ ký, họ tên của người đại diện trước pháp luật và con dấu của pháp nhân.

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

TT	Người khai và “Người có liên quan của Người khai	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu và ngày cấp	Mối quan hệ với Người khai	Chức vụ tại VINARE	Chức vụ tại Công ty con của VINARE	Tỷ lệ vốn sở hữu hoặc đại diện sở hữu/vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết tại VINARE
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Người kê khai					
	Nguyễn Văn A	Số CMND/CCCD: Ngày cấp:	Người khai			
II	Những người có quan hệ thân thuộc (<i>Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu</i>)					
1.	Nguyễn Thị B	Số CMND/CCCD: Ngày cấp:	Vợ			
2.	Nguyễn Văn C	Số CMND/CCCD: Ngày cấp:	Con			
...

Tôi xin cam kết nội dung Bảng kê khai trên đây là đúng sự thật, nếu có bất cứ sự không trung thực nào, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày tháng năm

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

CÔNG KHAI LỢI ÍCH CÓ LIÊN QUAN

Căn cứ Điều 164 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, tôi xin công khai các lợi ích có liên quan như sau:

1. Danh sách những Doanh nghiệp mà tôi có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần và đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc:

STT	Tên Doanh nghiệp	Trụ sở chính	Ngành, nghề kinh doanh	Số, ngày cấp, nơi cấp giấy chứng nhận ĐKKD/Giấy phép thành lập	Số cổ phần/vốn góp	Tỷ lệ/VĐL Doanh nghiệp	Ngày phát sinh lợi ích có liên quan
1							
2							
...							

2. Danh sách những Doanh nghiệp mà những người có liên quan của tôi cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ:

STT	Tên Doanh nghiệp	Trụ sở chính	Ngành, nghề kinh doanh	Số, ngày cấp, nơi cấp giấy chứng nhận ĐKKD/Giấy phép thành lập	Số cổ phần/vốn góp	Tỷ lệ/VĐL Doanh nghiệp	Ngày phát sinh lợi ích có liên quan
1							
2							
...							

Tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên là hoàn toàn đầy đủ, chính xác và trung thực. Nếu sai tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật.

....., ngày tháng..... năm

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

14. Nhân thân người khai (Quan hệ vợ, chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, anh chị em ruột...)

TT	Họ và tên	Mối quan hệ	Năm sinh	CMND/hộ chiếu	Địa chỉ thường trú	Nghề nghiệp	Đơn vị công tác	Chức vụ
		Vợ/chồng						
		Bố						
		Mẹ						
		Con						
		Anh/chị/em ruột						
							

15. Cam kết trước pháp luật:

- Tôi xin cam kết sẽ không vi phạm các quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Tổng Công ty.
- Tôi xin cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.
- Tôi cam kết sẽ thông báo cho Tổng Công ty về bất kỳ thay đổi nào liên quan đến nội dung bản khai trên phát sinh trong thời gian đương nhiệm.

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền^(*)

....., ngày tháng năm

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

() Xác nhận của thủ trưởng cơ quan hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cá nhân đăng ký hộ khẩu thường trú.*

**THẺ BIỂU QUYẾT VÀ BẦU CỬ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động, Quy chế Quản trị công ty hiện hành của Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam.

I/ Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu tại ĐHĐCĐ:

- Điều kiện và thể thức tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định tại các Điều 20, 21 và 22 của Điều lệ Tổng Công ty. Khi đăng ký tham gia Đại hội, mỗi cổ đông hoặc đại diện nhóm cổ đông tham gia biểu quyết, bầu cử được phát thẻ biểu quyết, thẻ bầu cử đại diện cho số cổ phần sở hữu.
- Thẻ biểu quyết và cách thức biểu quyết tại ĐHĐCĐ:
 - Nội dung ghi trên thẻ biểu quyết tương ứng với những vấn đề cần biểu quyết tại Đại hội. Số quyền biểu quyết tương ứng với số cổ phần của cổ đông hoặc đại diện nhóm cổ đông nắm giữ (tỷ lệ 1 cổ phần = 1 quyền biểu quyết).
 - Cổ đông hoặc đại diện nhóm cổ đông tham gia biểu quyết đánh dấu nhân vào một trong 3 ô vuông: “*tán thành*”, “*không tán thành*”, hoặc “*không có ý kiến*” trong thẻ để biểu quyết các nội dung ghi trên thẻ biểu quyết. Cổ đông hoặc đại diện nhóm cổ đông chỉ được lựa chọn 1 trong 3 ô biểu quyết, ký và ghi rõ họ tên vào thẻ biểu quyết trước khi nộp cho Ban Kiểm phiếu.
 - Thẻ biểu quyết hợp lệ là thẻ biểu quyết theo mẫu in sẵn của Tổng Công ty phát hành có đóng dấu treo, không được tẩy xóa, cạo, sửa, không viết thêm nội dung khác vào thẻ. Thẻ biểu quyết không hợp lệ là thẻ biểu quyết không đáp ứng được yêu cầu đối với thẻ biểu quyết hợp lệ theo quy định ở trên.
 - Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết “*tán thành*”, sau đó thu thẻ “*không tán thành*” và cuối cùng là thu thẻ “*không có ý kiến*”. Ban Kiểm phiếu sẽ tiến hành kiểm phiếu lần lượt thẻ biểu quyết theo từng mục trên.
 - Các thẻ biểu quyết phụ sẽ được sử dụng (nếu cần thiết) để biểu quyết các vấn đề khác phát sinh tại Đại hội.
- Thẻ bầu cử và cách thức bầu cử tại ĐHĐCĐ:
 - Nội dung ghi trên thẻ bầu cử tương ứng với danh sách các ứng viên bầu vào HĐQT, BKS. Tiểu ban Nhân sự của Hội đồng quản trị đề xuất số lượng thành viên được bầu vào HĐQT, BKS tại Đại hội và thẩm tra các tiêu chuẩn, điều kiện của ứng viên được đề cử/tự ứng cử theo các quy định tại Điều 27, 28, 40 và 41 của Điều lệ Tổng Công ty, Điều 155 và 169 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 81 và 82 Luật Kinh doanh Bảo hiểm 2022.
 - Nguyên tắc bầu thành viên HĐQT, BKS thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số quyền bầu cử tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT, BKS và cổ đông có quyền dồn hết tổng số quyền bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên.



- c. Cổ đông hoặc đại diện nhóm cổ đông tham gia bầu cử ghi rõ số quyền bầu cho các ứng viên hoặc có thể chia đều số quyền bầu của mình cho các ứng viên (trong trường hợp này, cổ đông chỉ cần đánh dấu “x” hoặc dấu “√” vào cột “Chia đều” trên thẻ trong thẻ bầu cử).
 - d. Thẻ bầu cử hợp lệ là thẻ bầu cử theo mẫu in sẵn của Tổng Công ty phát hành, không được tẩy xoá, cạo, sửa, không bầu quá số người quy định, không được ghi thêm tên người không phải là ứng viên HĐQT, BKS vào thẻ bầu. Tổng số quyền bầu cho các ứng viên không được vượt quá tổng số quyền bầu cử của cổ đông hoặc đại diện cổ đông.
 - e. Thẻ bầu cử không hợp lệ là thẻ bầu cử không đáp ứng được các yêu cầu đối với thẻ bầu cử hợp lệ theo quy định ở trên.
4. Chủ tọa Đại hội sẽ đề cử thành phần Ban Kiểm phiếu và thông qua trước Đại hội. Số thành viên Ban kiểm phiếu không quá 03 người và phải có ít nhất một (01) người là thành viên Ban Kiểm soát của Tổng Công ty.
 5. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

II/ Tỷ lệ thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 biểu quyết và bầu cử trực tiếp tại cuộc họp:

Căn cứ theo Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 23 Điều lệ hiện hành của Tổng Công ty, các quyết nghị của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 được thông qua theo điều kiện sau:

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
 - a. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ
 - b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - c. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - d. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty;
 - e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
 - f. Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.
2. Các nghị quyết về các nội dung khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.
3. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau./.





CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

GIẤY ỦY QUYỀN

THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

1. Bên ủy quyền:

Cổ đông:
CMND/CCCD/GPĐKKD số: cấp ngày tại
Địa chỉ:
Điện thoại:
Số cổ phần sở hữu:
(Bằng chữ:)

2. Bên nhận ủy quyền:

Họ tên:
CMND/CCCD/Hộ chiếu số: cấp ngày tại
Địa chỉ:
Điện thoại:
Số cổ phần được ủy quyền:
(Bằng chữ:)

3. Nội dung ủy quyền:

Bên nhận ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền thực hiện việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam tổ chức vào ngày 20/04/2023 và thực hiện mọi quyền lợi/nghĩa vụ tại Đại hội liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam. Giấy ủy quyền này chỉ có giá trị tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

....., ngày..... tháng..... năm 2023.
BÊN NHẬN ỦY QUYỀN **BÊN ỦY QUYỀN**
(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên/đóng dấu nếu là tổ chức)

Lưu ý: Bên nhận ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác. Bên nhận ủy quyền mang theo Giấy mời họp, CMND/CCCD/Hộ chiếu (bản gốc) và Giấy ủy quyền (bản gốc) của Bên ủy quyền để làm thủ tục đăng ký đại biểu tại Đại hội. Đề nghị Quý cổ đông vui lòng xác nhận việc ủy quyền tham dự Đại hội chậm nhất đến 17^h00 ngày 18/04/2023 theo số điện thoại 024.39427859 hoặc số fax 024.39422351.